

*Luận-văn Tốt-nghiệp*

**KHẢO LUẬN VỀ  
TỔI CAO  
PHÁP VIỆN  
VIỆT NAM CỘNG HÒA**

THƯ VIỆN QUỐC GIA  
VIỆT NAM  
Số 0863

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP  
LVHC 863

S.V. NGUYỄN MINH KHÁNG  
*Ban Đặc Sư khóa 17*  
1969 - 1972

Học Viện Quốc Gia Hành Chánh không tán thành, cũng không phản đối những ý kiến phát biểu trong luận văn tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm về những ý kiến đó.

GIÁO SƯ HƯỚNG DẪN:  
NGUYỄN-MẠNH-HÙNG  
TIẾN SĨ  
BANG GIAO QUỐC TẾ

Chân Thành Tri Ân:

Giáo Sư Hướng Dẫn

NGUYỄN-MẠNH-HÙNG

Tiến Sĩ Bang Giao Quốc Tế

Ghi ơn sâu xa quý vị đã  
tận tâm chỉ dẫn và khích  
lệ chúng tôi trong việc  
soạn tập luận  
văn này

# mục lục

## LỜI MỞ ĐẦU

trang 01

## CHƯƠNG THỨ NHẤT

### TỔ CHỨC CỦA TỐI CAO PHÁP VIỆN-

06

#### Đoạn I. Tổ chức nhân sự.

I / Thành phần

06

II / Cách thức tuyển chọn

06

III/ Quy chế của Thẩm Phán TCPV

06

#### Đoạn II. Tổ chức cơ cấu và điều hành.

09

I / Đại Hội Đồng

11

II / Văn Phòng

12

III/ Ban Bảo Hiến

13

IV/ Ban Phá Án

14

14

## CHƯƠNG THỨ HAI

### THẨM QUYỀN CỦA TỐI CAO PHÁP VIỆN-

16

#### Mục I. Thẩm quyền Kiểm Hiến.

16

##### Đoạn I. Phạm vi kiểm hiến.

17

I / Các đạo luật

17

II / Các Sắc luật

18

III/ Sắc lệnh, Nghị định và Quyết định HC

19

##### Đoạn II. Thủ tục áp dụng trước Tối Cao Pháp Viện.

21

I / Thủ tục hậu thiên

22

II / Các phương thức kháng tố

23

III/ Thủ tục phân xử

25

#### Mục II. Thẩm quyền giải thích Hiến Pháp.

26

##### Đoạn I. Tại sao cần phải giải thích Hiến Pháp.

26

##### Đoạn II. Vấn đề giải thích Hiến Pháp của TCPV.

28

<u>Mục III. Thẩm quyền tài phán.</u>	trang 29
<u>Đoạn I. Thẩm quyền kiểm pháp.</u>	30
I / Thế nào là hợp pháp và vi pháp	30
II / Hình thức tổ tụng kiểm pháp	32
III/ Nội dung của tổ tụng kiểm pháp	33
IV/ Nhận xét	35
<u>Đoạn II. Thẩm quyền phá án.</u>	38
I / Thủ tục thượng tố về dân sự và hình sự	40
II / Thủ tục thượng tố về hành chính	40
<u>Mục IV. Các thẩm quyền khác.</u>	42
<u>Đoạn I. Thẩm quyền có tính cách chính trị.</u>	42
I / Quyền giải tán chính đảng	42
II / Quyền chỉ định Giám sát viên	46
III/ Quyền tham dự tổ chức các cuộc bầu cử	47
<u>Đoạn II. Thẩm quyền hành chính.</u>	48
I / Quyền quản trị nội bộ	48
II / Quyền kiểm kê tài sản Giám sát viên.	50
<u>CHƯƠNG THỨ BA</u>	
<u>HOẠT ĐỘNG CỦA TỐI CAO PHÁP VIỆN--</u>	51
<u>Mục I. Hoạt động của TCPV trong Cộng đồng Quốc Gia.</u>	51
<u>Đoạn I. TCPV và Hành Pháp.</u>	51
<u>Đoạn II. TCPV và Quốc Hội.</u>	56
<u>Đoạn III. TCPV đối với những tranh chấp giữa Hành Pháp và Lập Pháp - Vụ thuế Kiện ước.</u>	59
<u>Đoạn IV. TCPV và Giám Sát Viện.</u>	64
<u>Mục II. TCPV và sự cải tổ ngành Tư Pháp.</u>	66
<u>Đoạn I. Chế độ Tư Pháp trước ngày 1-4-1967.</u>	66
I / Vai trò của Bộ Tư Pháp	66
II / Các đặc điểm khác.	67
<u>Đoạn II. Sự cải thiện chế độ Tư Pháp với TCPV.</u>	69
<u>Mục III. TCPV và khoản 7 điều 10 (Luật bầu cử Tổng Thống 1971)</u>	71
<u>Đoạn I. Các đơn khởi tố.</u>	71
<u>Đoạn II. Các lý do bệnh vực của Viện Chương Lý và HP.</u>	73
<u>Đoạn III. Phán quyết của TCPV.</u>	75
<u>Đoạn IV. Nhận định tổng quát.</u>	75
<u>KẾT LUẬN</u>	77
<u>THỤ TỊCH</u>	81

# dẫn nhập

## THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Việc kiến soạn thảo Hiến Pháp bắt nguồn vào lúc mà các phong trào chống đối chuyên chế để đòi hỏi tự do bộc phát mạnh mẽ. Điển hình là cuộc cách mạng Pháp 1789, đưa đến sự xuất hiện Hiến Pháp 1791 (Pháp quốc).

Từ đó, Hiến Pháp được coi như là một thắng lợi của quần chúng đấu tranh, một bảo đảm cần yếu phải ghi lại trong một văn kiện long trọng. Do đó, Hiến Pháp được coi như một đạo luật có tính cách tối thượng, chi phối quyền lợi và nghĩa vụ người công dân, cùng quy định việc tổ chức guồng máy Quốc Gia; nên phải có một giá trị ưu thế hơn một đạo luật thường. Vì vậy, một đạo luật không được trái với Hiến Pháp và nếu trái với một hay nhiều điều khoản hiến định, đạo luật được coi là vi hiến.

Như vậy, vấn đề kiểm hiến, bảo vệ Hiến Pháp bao gồm các hành vi kiểm soát hiến tính các đạo luật cùng các văn kiện lập quy cấp dưới được đặt ra. Kiểm hiến tức là điều tra, kiểm soát tất cả những văn kiện, hành vi pháp lý ở hệ cấp kém hơn Hiến Pháp, xét xem có phù hợp với nội dung của Hiến Pháp hay không?

Nếu không có sự kiểm soát hiến tính này, tất cả những gì ghi nơi Hiến Pháp sẽ không còn giá trị nữa.

Nhưng ai có quyền nêu tính cách bất hợp hiến của một đạo luật và cơ quan nào có quyền xét xử tính cách hợp hiến của đạo luật đó?

Trước câu hỏi này, tất cả các câu trả lời đều không giống nhau. Những giải pháp -đứng trên phương diện chính trị và thực tế- đã được đưa ra và khi đem áp dụng không hẳn là

không gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Điều này chúng ta vẫn dễ không giản đơn như nhiều người tưởng.

Tuy nhiên, cần nói thêm, vấn đề kiểm hiến đặc biệt không đặt ra trong trường hợp của nước Anh, một Quốc Gia độc nhất có Hiến Pháp tục lệ. Ở Anh quốc, chỉ cần một đạo luật thường, cũng có thể hủy bỏ một tục lệ đã được áp dụng trong bao nhiêu đời. Không có cơ quan nào cao hơn Quốc Hội. Những đạo luật do Quốc Hội làm ra về sau, đương nhiên hủy bỏ những đạo luật và tục lệ đã có từ trước và nội dung ngược lại đạo luật mới. Các tòa án không gặp phải khó khăn gì trong việc phán xử vì chỉ cần áp dụng đạo luật mới cùng những đạo luật cũ và các tục lệ không trái với luật mới.

Còn đối với các Quốc Gia khác, thường có 2 khuynh hướng trong việc kiểm hiến. Có Quốc Gia chủ trương phải đặt ra những cơ quan chuyên biệt có quyền xét xử hay đình chỉ thi hành hoặc hủy bỏ một đạo luật bất hợp hiến. Khuynh hướng này quan niệm rằng với một cơ quan độc lập, thì Hiến Pháp dễ được tôn trọng hơn.

Một khuynh hướng khác, lại hoàn toàn tin cậy ở Quốc Hội Lập Pháp. Khuynh hướng này nhấn mạnh vào tính cách dân cử, cho rằng Quốc Hội do dân bầu lên đúng theo ý muốn của Hiến Pháp. Vì vậy, lúc làm ra các đạo luật, Quốc Hội đã phải có ý thức đạo luật đó không trái với Hiến Pháp. Do đó, chủ trương này quan niệm rằng, không cần phải đặt ra một cơ quan riêng biệt để kiểm soát hiến tính các luật lệ cấp dưới; hầu tránh nặng nề cho cơ cấu quốc gia. Đó là quan niệm của các nhà làm luật dưới thời đệ Tam Cộng Hòa Pháp quốc.

Quan điểm này đã đưa đến nhiều khó khăn trên phương diện áp dụng thực tế. Trước nhất, một đạo luật trái với Hiến Pháp một cách hiển nhiên và đã thực sự gây tai hại cho một người công dân nào, thì người này có phương cách gì để xin hủy bỏ đạo luật đó hầu bảo vệ quyền lợi của mình hay không?

Thứ đến, theo quan niệm này, trên nguyên tắc Hiến Pháp có tính cách ưu thế hơn một đạo luật thường; nhưng vì vậy,



trên thực tế không có cơ quan nào được giao cho quyền xét xử những vụ kiện tương tự như trên. Tòa án không có quyền này vì nếu thực hiện e rằng sẽ phạm vào nguyên tắc phân quyền. Hành Pháp cũng không có quyền can thiệp nếu không muốn tự đặt mình lên trên Hiến Pháp.

Do đó, chỉ còn cơ quan Lập Pháp (tức Quốc Hội) đã biểu quyết chấp thuận đạo luật bị chỉ trích vi hiến, sẽ phải làm ra đạo luật khác hủy bỏ đạo luật đó đi. Nhưng vấn đề sẽ trở nên nan giải, dễ dàng đưa đến sự bế tắc hoàn toàn, trong trường hợp chính Quốc Hội không công nhận sự bất hợp hiến của đạo luật ấy. Vậy thì ai có quyền xét xử?

Thành ra, nếu duy trì tình trạng, người ta sẽ đứng trước một tình trạng rất đặc biệt là một đạo luật bất hợp hiến vẫn có tính cách hợp pháp, vẫn được tôn trọng và đem ra áp dụng cho mọi người. Áp dụng vào thực tế, có khi một tòa án vì không muốn gây thiệt hại cho người liên quan đến vụ kiện nào đó do sự áp dụng đạo luật trên, sẽ tránh né tìm cách không áp dụng nó. Nhưng sự kiện này chỉ có thể xảy ra và có giá trị cho từng vụ mà thôi. Không ai, hẳn nhiên, có quyền cấm đoán tòa án đã xét xử như trên hay một tòa án khác, xử dụng đạo luật bị chỉ trích vào những trường hợp của các vụ án khác.

Do đó vấn đề trở nên rắc rối, bất thuận nhất.

Đối với giải pháp thứ nhất (giao nhiệm vụ kiểm hiến cho một cơ quan chuyên biệt), Hoa Kỳ đã áp dụng từ hơn một thế kỷ nay là giao cho một cơ quan riêng có nhiệm vụ kiểm soát hiến tính và những vụ kiện kiểm hiến đã trở thành những án lệ quan trọng. Đó là Tối Cao Pháp Viện (Supreme Court) Hoa Kỳ.

Với một quan điểm thực tế, các luật gia Hoa Kỳ thời xưa và về sau đã tìm thấy trong mấy điều khoản của bản Hiến Pháp Hoa Kỳ những lý lẽ cần thiết để giao các tòa án nhiệm vụ kiểm soát hiến tính của các đạo luật Liên Bang và Tiểu bang (1).

Nhưng bằng vào kinh nghiệm thực tế, công việc kiểm hiến

(1) - Điều 2 (đoạn 2): "Tòa án xử theo công bằng hay chiếu

các đạo luật, nếu giao cho cơ quan Tư Pháp không hẳn là một giải pháp hay. Vì rằng bề ngoài các vị thẩm phán có vẻ vô tư và hiểu biết sâu sắc về luật pháp, nhưng bên trong họ thường nô lệ bởi các chính kiến của họ và nhiều khi xét xử thiên lệch mà không hay. Sự thiên lệch đó càng nguy hiểm khi nó đình chỉ sự áp dụng của một đạo luật và có ảnh hưởng sâu xa đến sự tiến bộ xã hội.

Hơn nữa, đứng trên phương diện lý thuyết, người ta khó lòng quan niệm được vì sao lại giao cho cơ quan Tư Pháp một quyền quá lớn, khiến cho nó vượt lên cả quyền Hành Pháp và Lập Pháp trên một lãnh vực mà thực đúng lý ra chỉ quyền Lập Pháp mới dụng tới được.

Nhưng đó chỉ là lối suy luận của các luật gia thuộc khối La tinh. Còn theo quan niệm luật pháp của người Anglo Saxon thì không có gì trở ngại cả. Theo họ, luật pháp một phần lớn là do án lệ tạo ra và như vậy dĩ nhiên tòa án đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra các án lệ này. Vì thế, họ không ngần ngại giao cho các tòa án việc kiểm soát Hiến Pháp.

Đối với những quốc gia khác, đó không phải là một giải pháp hoàn toàn đem lại những kết quả như ý. Bởi thế cho nên, nhiều nước Tây phương dù thấy sự tai hại vì không có cơ quan bảo hiến, nhưng cũng không chịu theo giải pháp này. Ngay đến những quốc gia mới độc lập, sự ấu trĩ của nền dân chủ, của tổ

---

theo pháp luật những việc xảy ra vì sự áp dụng Hiến Pháp, luật pháp Liên Bang hay hiệp ước" .

• Điều 6 (đoạn 2): "Hiến Pháp, luật pháp liên bang và các hiệp ước là luật tối cao của quốc gia mà các tòa án bắt buộc phải theo, phải áp dụng mặc dù những luật lệ, Hiến Pháp tiểu bang có những điều khoản trái ngược với những quy tắc kể trên" .

chức chính trị và công quyền, cho nên dù có mô phỏng theo những mô thức của người Anglo Saxon, cũng không dám giao nhiệm vụ trọng đại đó cho một cơ quan Tư Pháp thuần túy và dù có thành lập, kết quả đem lại cũng không cho người ta nhiều lạc quan.

Trở về Việt Nam, Hiến Pháp 1-4-1967, thiết lập Tối Cao Pháp Viện, đã dung hòa 2 giải pháp trên, dù rằng hơi thiên nhiều về giải pháp thứ nhất (TCPV được coi như một tòa án tối cao, quản trị ngành Tư Pháp), nhưng thành phần nhân sự, mang sắc thái chính trị qua hình thức tuyển chọn.

Quan niệm này là một dung hòa giữa chính trị và chuyên môn, đem đến cơ quan một nhiệm vụ thực sự. Nó chấp nhận một thành phần chính trị và bỏ tính cách vĩnh viễn của chức vụ để tránh một sự bảo thủ quá đáng. Đồng thời giải pháp cũng chấp nhận kỹ thuật của TCPV Hoa Kỳ để cho một người dân nào bị thiệt hại do đạo luật gây ra có thể xin tiêu hủy hay ít nhất không áp dụng đạo luật ấy nữa. Thêm vào đó, TCPV Việt Nam Cộng Hòa còn được Hiến Pháp 1-4-1967 ban cho một số quyền hạn khác và tạo cho cơ chế này một vị thế đặc biệt trong sinh hoạt quốc gia.

Để giảm thiểu sự khô khan do vấn đề khảo cứu đem đến, chúng tôi khai trên đề tài dưới hình thức hỗn hợp. Sự trình bày sẽ không thuần là thuyết lý, mà dùng đến phương pháp đối chiếu, so sánh từng phần, từng yếu tố một của Tối Cao Pháp Viện VNCH với các cơ chế tương tự qua một vài chính thể khác trên thế giới. Mong rằng sự sắp xếp như thế, mang đến một nhận định rõ ràng hơn, có thể cho chúng ta ý niệm so sánh và nghĩ đến các phương cách tương đối và tốt đẹp nhất.

Do vậy, mỗi một chi tiết sẽ được mô tả theo lý thuyết một cách sơ lược, rồi được phân tích và nhận định theo phương pháp quy chiếu. Sau cùng từ những trình bày này, chúng tôi cố gắng nhìn về một Tối Cao Pháp Viện hữu hiệu và hoàn hảo hơn, nhân khi phân tách những khó khăn mà trong các năm của nhiệm kỳ đầu, TCPV phải đương đối và những phức tạp khó khăn khác chờ sẵn trong tương lai.

chương một

## Tổ chức của Tối Cao Pháp Viện.

**N**ày là phần có tính cách lý thuyết, chúng ta khảo sát TCPV về phương diện tổ chức, dựa vào Hiến Pháp 1-4-1967, luật số 007/68 ngày 3-9-1968 (tổ chức và điều hành TCPV), bản nội qui TCPV cùng các văn kiện bổ túc kế tiếp.

Theo điều 80 (Hiến Pháp), TCPV gồm từ 9 đến 15 thẩm phán được Quốc Hội tuyển chọn và Tổng Thống bổ nhiệm theo một danh sách 30 người do thẩm phán đoàn, công tố đoàn và luật sư đoàn bầu lên; và theo điều 83, TCPV có ngân sách tự trị và có quyền lập quy để quản trị nội bộ cùng quản trị ngành Tư Pháp. Như vậy, TCPV có một thành phần nhân sự khá đặc biệt do thể thức tuyển chọn tạo nên và một cơ cấu điều hành độc lập, tự trị với quyền lập quy tự tạo.

### ĐOẠN I. TỔ CHỨC NHÂN SỰ-

#### I) THÀNH PHẦN.

1/ Trong điều 4 của Luật số 007/68 và sau được sửa đổi do luật số 10/71 (29-6-71), qui định trong nhiệm kỳ đầu thành phần thẩm phán TCPV gồm 9 vị. Và Luật 007/68 đã ấn định rằng giữa năm thứ ba của nhiệm kỳ này, sẽ tổ chức và tuyển chọn thêm 6 thẩm phán. Tuy nhiên, vào tháng 4-71 hội đồng tuyển cử bổ túc các thẩm phán TCPV có ra một thông cáo để tổ chức cuộc bầu cử tuyển chọn 6 vị cho đủ 15 như Luật tổ chức TCPV đã quy định. Nhưng sau đây, ông Trương gia kỳ Sanh, đã nộp đơn, kiện vi hiến thông cáo đó và TCPV đã xét xử chấp nhận đơn của ông Sanh, tuyên bố thông cáo trên vi hiến.

Vụ án này đã gây nhiều sôi động, với những ý kiến chỉ trích hướng về TCPV, cho rằng TCPV không muốn có thêm 6 vị thẩm phán nữa và chỉ muốn giữ nguyên thành phần 9 vị hiện tại.

Hiện nay, 9 vị thẩm phán TCPV gồm các ông: Trần Văn Linh, Nguyễn Văn Biện, Nguyễn An Thông, Trần Minh Tiết, Trịnh Xuân Ngạn, Nguyễn An Sĩ, Nguyễn Mộng Bích, Mai Văn An và Trần Văn Liêm.

2/ Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ của Thẩm phán TCPV là 6 năm. Cứ 3 năm sẽ tổ chức bầu cử và tuyển chọn 9 hoặc 6 thẩm phán, tùy trường hợp để thay thế những thẩm phán mãn nhiệm. Đây là thời gian trung bình, không đến nỗi quá ngắn hay quá dài và được nhiều nước trên thế giới chấp nhận, chẳng hạn ở Đan Mạch, Ecuador, Honduras, Nicaragua... Có nhiệm kỳ 5 năm được thấy ở Bồ Đào Nha, Colombia, Paraguay, Syrie, Nga Xô...

Riêng tại một số quốc gia, thẩm phán TCPV tại chức đến mãn đời, như ở Bỉ, Ba Tây, Miến Điện, Gia nã Đại, Mỹ, Trung Hoa Quốc Gia, Tiệp Khắc, Nam Dương, Bồ Đào Nha... nhiệm kỳ này có thể đem đến sự liên tục, vững chãi cùng sự ổn cố, nhưng cũng có thể làm cho cơ quan đầu não ngành Tư Pháp bị già lão, chậm chạp, dễ dàng đưa đến những tư tưởng hay các án lệ có tính cách bảo thủ. Ngược lại, nhiệm kỳ quá ngắn, sẽ có sự khiếm khuyết vì thay đổi luôn các thẩm phán, hiệu năng chắc chắn bị giảm sút vì thiếu kinh nghiệm do thời gian tạo nên. Trong các nước trên thế giới nhiệm kỳ ngắn nhất có lẽ là 3 năm ở El Salvador.

II) CÁCH THỨC TUYỂN CHỌN THẨM PHÁN TCPV.

Thế thức bầu cử tuyển chọn thẩm phán TCPV phức tạp và được thực hiện qua nhiều giai đoạn. Các ứng cử viên phải hội đủ những điều kiện hiến định (điều 80, Hiến Pháp) và Luật định (Luật 007/68). Cách thức bầu cử cũng được qui định trong luật dẫn thượng.

1/ Ứng cử:

Được ứng tuyển Thẩm phán TCPV, những thẩm phán xử án,

thẩm phán công tố và luật sư, hội đủ những điều kiện dự liệu ở điều 5 luật 007/68.

Có tất cả 6 điều kiện, về quốc tịch, về thời gian hành nghề, về tư cách, chính kiến, không tù tội và sau cùng là hợp lệ tình trạng quân dịch.

Các ứng tuyển viên đủ điều kiện, nộp đơn ứng cử tại hội đồng tổ chức bầu cử, chậm nhất là 1 tháng trước ngày bầu cử. Thành phần của hội đồng này gồm có:

- |                             |              |
|-----------------------------|--------------|
| - Chủ tịch Thượng Nghị Viện | Chủ tịch     |
| - Chủ tịch Hạ Nghị Viện     | Phó Chủ tịch |
| - Một Nghị sĩ               | Hội viên     |
| - Một Dân biểu              | -            |
| - Một Thẩm phán xử án       | -            |
| - Một Thẩm phán Công tố     | -            |
| - Một luật sư               | -            |

Hội đồng có nhiệm vụ tổ chức và giải quyết các vấn đề liên quan đến cuộc bầu cử như cứu xét các hồ sơ, đơn từ khiếu nại. Mọi quyết định chấp nhận hay bác bỏ hồ sơ ứng tuyển phải được đa số phiếu quá bán (4/7) và quyết định này có tính cách chung quyết.

Ngoài ra, hội đồng với đa số 5/7 số hội viên có thể hủy bỏ toàn thể cuộc bầu cử, nếu thấy có sự bất hợp lệ quan trọng làm sai lệch tính cách thành thật và kết quả của cuộc bầu cử.

## 2/ Bầu cử:

Thẩm phán TCFV được tuyển chọn bằng lối bầu cử theo đơn danh, hợp tuyển có tính cách trực tiếp và kín.

Mỗi ngành phải lập một ủy ban có nhiệm vụ tổ chức cuộc bầu cử riêng cho từng ngành, để bầu lên thành phần cử tri đoàn. Ủy ban này còn có nhiệm vụ giải quyết chung tham mọi vấn đề liên quan đến việc bầu cử cử tri đoàn của mỗi ngành.

Thành phần mỗi cử tri đoàn được bầu theo thể thức liên danh, đa số. Mỗi liên danh có 10 người và mỗi cử tri có quyền chọn tối đa 5 liên danh. Năm liên danh có nhiều phiếu nhất sẽ

đắc cử. Như vậy, cử tri đoàn bầu thẩm phán TCPV gồm 50 Thẩm phán xử án, 50 Thẩm phán Công tố và 50 luật sư.

Đ Sau đó, danh sách cử tri đoàn sẽ phải nộp lên hội đồng tổ chức bầu cử (chậm nhất là 20 ngày sau khi có kết quả bầu cử của mỗi đoàn).

Tiếp theo, mỗi cử tri có quyền tuyển chọn tối đa 30 người trong danh sách (theo thể thức đơn danh, hợp tuyển), mỗi thành phần tối đa 10 ứng tuyển viên.

Ba mươi ứng tuyển viên theo tỷ lệ mỗi thành phần 1/3 được nhiều phiếu nhất sẽ trúng cử ứng tuyển viên Thẩm phán TCPV. Các ứng tuyển viên đồng số phiếu trong mỗi thành phần sẽ được sắp theo thứ tự thâm niên hành nghề và tuổi tác.

### 3/ Tuyển chọn:

Sau đây 24 giờ, hội đồng tổ chức bầu cử phải gửi danh sách cùng hồ sơ 30 ứng tuyển viên đắc tuyển đến Văn phòng Thượng nghị viện và Hạ nghị viện.

Một phiên họp khoáng đại lưỡng viện sẽ được triệu tập và họp kín để tuyển chọn trong số 30 ứng tuyển viên, 9 Thẩm phán TCPV bằng một cuộc bỏ phiếu kín.

### 4/ Bổ nhiệm:

Tổng Thống sẽ bổ nhiệm các Thẩm phán theo danh sách do Chủ tịch Thượng viện chuyển lên sau cuộc tuyển chọn.

Sở dĩ cuộc bầu cử Thẩm phán TCPV lại phải qua nhiều diễn trình phức tạp như vậy, là do ý chí của các nhà lập hiến, cố tạo một uy thế cũng như sự độc lập của Thẩm phán. Thẩm phán TCPV, được coi như là thụ quyền gián tiếp của nhân dân qua sự tuyển chọn của 2 cơ quan dân cử Quốc Hội.

Thể thức để Quốc Hội tuyển chọn và Tổng Thống (hay vị nguyên thủ Hành Pháp) bổ nhiệm các Thẩm phán TCPV được tương tự áp dụng tại nhiều quốc gia, như ở Albania, Bolivie, Bồ Đào Nha, Costa Rica, Đan Mạch, Domingo, Ecuador, El Salvador, Tây và Đông Đức, Nam Tư, Guatemala, Honduras Nicaragua, Lỗ

ma Ni, Thụy Sĩ, Venezuela... Riêng tại nhiều nước khác, Thẩm phán TCPV do cơ quan Hành Pháp tuyển chọn, chẳng hạn như ở Hoa Kỳ, Bỉ, Gia nã Đại, Tích Lan, Chí Lợi, Phần Lan, Hy Lạp, Haiti, Ấn Độ, Ai nhĩ Lan, Đại Hàn, Dahomey, Libye, Nepal, Thụy Điển...

### III) QUY CHẾ CỦA THẨM PHÁN TCPV-

Thẩm phán TCPV, trước khi nhậm chức, phải tuyên thệ trong một phiên tòa long trọng của TCPV trước sự hiện diện của Hành Pháp và Lập Pháp. Lời tuyên thệ như sau:

"Tôi xin thề tận tâm bảo vệ Hiến Pháp và tôn trọng luật pháp, trung thành với nhiệm vụ được giao phó, thi hành nhiệm vụ một cách vô tư, giữ hoàn toàn bí mật những điều bàn luận lúc thẩm nghị và biểu quyết.

Trong mọi trường hợp, tôi nguyện cư xử như một Thẩm phán xứng đáng và luôn luôn giữ tinh thần độc lập".

Các tân Thẩm phán TCPV sẽ nhậm chức một ngày trước khi các Thẩm phán TCPV tại nhiệm mãn nhiệm kỳ; và Thẩm phán TCPV được hưởng một quy chế riêng do luật số 007/68 (3-9-68) quy định từ điều 53 đến điều 62.

Theo đó những nét chính yếu của quy chế này được trình bày như sau:

#### 1/ Tính cách bất khả kiêm nhiệm:

Để giữ tính cách độc lập và sự công minh trong việc hành xử thẩm quyền, luật 007/68 đã minh thị rằng:

- Thẩm phán TCPV không được kiêm nhiệm hay đặc nhiệm một chức vụ công cử hay dân cử, ngoại trừ việc giảng huấn tại các đại học và những chức vụ khác do Hiến Pháp cho phép (như Chánh Thẩm Đặc Biệt Pháp Viện, Chủ Tịch các hội đồng tuyển cử Trung Ương...)

Bởi nguyên tắc bất khả kiêm nhiệm đó, chúng ta nhận thấy những hậu quả sau:

a- Nếu luật sư đặc tuyển Thẩm phán TCPV, phải ngưng hành nghề ngay và xin bỏ sót tên trên danh sách luật sư đoàn, cùng có thời hạn 3 tháng để đóng cửa văn phòng luật sư của mình trong suốt nhiệm kỳ.



- b- Các Thẩm phán đặc tuyển được đặt ngoại ngạch.
- c- Các quân nhân đặc tuyển đương nhiên coi như giải ngũ.

Tuy vậy, được hưởng quyền lợi, là thời gian phục vụ tại TCPV được tính thâm niên cho các đương sự trong ngành của mình.

### 2/ Quyền đặc miễn của Thẩm phán TCPV:

Cũng để bảo vệ tính chất độc lập tới mức tối đa của ngành Tư Pháp, nhất là bảo đảm hữu hiệu sự phán quyết công minh theo luật pháp và lương tâm chức nghiệp, điều 59 của Luật 007/68 đã xác nhận, những thẩm phán TCPV được hưởng các đặc miễn như không thể bị truy tố, tạm nã hay bị bắt giam, xét xử vì những ý kiến và biểu quyết của Thẩm phán TCPV.

Các vị Thẩm phán TCPV chỉ có thể bị truy tố, bắt giam trong 2 trường hợp:

- a- Nếu có sự chấp thuận của 2/3 tổng số Thẩm phán TCPV tại chức.
- b- Nếu quả tang phạm pháp. Nhưng trong trường hợp này, sự truy tố hay bắt giam cũng được đình chỉ nếu có sự yêu cầu của 2/3 Thẩm phán TCPV.

### 3/ Các nhiệm vụ và quyền lợi khác

Ngoài ra, để bảo đảm sự vô tư và tinh thần độc lập, cùng tránh những việc hối mại quyền thế, Thẩm phán TCPV cũng như người phối ngẫu không được dự vào những cuộc đấu thầu hay ký hợp đồng với cơ quan công quyền.

Trong trường hợp người phối ngẫu hành nghề luật sư, người này sẽ không được quyền biện hộ trước TCPV. Nếu không sẽ coi đó như một hà tỉ của bản án.

- Thẩm phán TCPV còn được hưởng những quyền lợi khác như:
- Có thể được tái ứng cử sau khi mãn nhiệm.
  - Đương nhiên quy hồi ngạch cũ nếu chấm dứt xong thời gian phục vụ cho TCPV.
  - Đối với thành phần Công tố, Thẩm phán có quyền chuyển sang ngành xử án.

Tóm lại, quy chế trên, nhằm đưa đến sự bảo đảm để Thẩm phán TCPV yên tâm xét xử mà không sợ một áp lực hay ảnh hưởng

nào. Và như thế, Thẩm phán TCPV mới có một tư thế độc lập. Nhưng trên thực tế, vì những lý do chính trị, nhu cầu khẩn thiết, cấp bách của quốc gia đã làm cho TCPV đôi khi trở thành cơ quan mang nhiều sắc thái chính trị, lồng khung trong những áp lực hay những thôi thúc từ nơi khác đến gây cho Thẩm phán TCPV khó lòng vì Hiến Pháp, vì quan điểm pháp lý (Point de Droit), mà trái lại phải hành động cho phù hợp với hoàn cảnh thực tại (Point de Fact).

#### 4/ Sự chấm dứt nhiệm kỳ:

Thẩm phán TCPV có thể bị chấm dứt nhiệm vụ vì một trong 4 lý do sau (ngoài việc đương nhiên mãn nhiệm kỳ):

- Mệnh một.
- Từ chức.
- Bất lực về tinh thần hay thể chất, do đại hội đồng TCPV quyết định với đa số 2/3 tổng số Thẩm phán TCPV tại chức, căn cứ vào phúc trình của Hội đồng Giám Định Y khoa gồm 5 y sĩ chuyên môn do y sĩ đoàn đề cử.
- Bị truất quyền vì can tội phản quốc hay các trọng tội khác.

Nếu có trường hợp khiếm khuyết 1 hay nhiều Thẩm phán TCPV, vị Chủ tịch sẽ thông báo cho Tổng Thống, Chủ tịch Thượng, Hạ viện và Quốc Hội sẽ có 30 ngày để tuyển chọn người thay thế theo thủ tục ấn định trong Luật 007/68.

Như vậy vấn đề tuyển chọn, trong bất kỳ trường hợp nào cũng đều giao cho Quốc Hội và đặc biệt Lập pháp có quyền tuyển chọn người thay thế một hay nhiều vị thẩm phán TCPV đã bị chấm dứt nhiệm kỳ vì 4 lý do trên mà không qua giai đoạn bầu cử đầu tiên.

## ĐOẠN II. TỔ CHỨC CƠ CẤU VÀ TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH-

Theo Luật 007/68 và bản nội quy điều hành TCPV được biểu quyết ngày 21-12-1968, TCPV gồm có các cơ quan chính yếu sau đây:

- Đại hội Đồng.
- Văn Phòng
- Ban Bảo Hiến
- Ban Phá Án.

I) ĐẠI HỘI ĐỒNG-

1/ Thành phần:

Gồm toàn thể Thẩm phán TCPV.

2/ Nhiệm vụ:

Đại Hội Đồng có nhiệm vụ:

- a- Quản trị ngành Thẩm phán xử án, các tòa án và nhân viên trực thuộc. Trước kia việc này thuộc bộ Tư Pháp. Nay Bộ Tư Pháp chỉ còn xử dụng và quản trị ngành Thẩm phán Công tố mà thôi.
- b- Giải thích Hiến Pháp, phán quyết tính cách hợp hiến hay bất hợp hiến của các đạo luật, pháp luật; Tính cách hợp pháp hay bất hợp pháp của các Sắc Lệnh, Nghị Định và các quyết định HC.  
Dưới thời đệ I CH (Hiến Pháp 1956), nhiệm vụ này một phần được giao phó cho Viện Bảo Hiến (thành lập do Luật 7/60).
- c- Phán quyết về việc giải tán một chính đảng, có chủ trương và hành động chống lại chính thể CH.  
So với Hiến Pháp 1956, chúng ta không nhận thấy điều khoản nào quy định về nhiệm vụ ấy.
- d- soạn thảo nội quy TCPV. Nội quy này được chung quyết ngày 22-11-1968 gồm có 9 chương và 99 điều khoản (được đăng vào công báo VNCH ngày 14-12-1968).
- e- Quản trị TCPV, giải quyết các vấn đề nội bộ.
- f- Bầu cử văn phòng viện và phân phối nhiệm vụ xét xử giữa các thẩm phán TCPV.
- g- Đại Hội Đồng, còn có nhiệm vụ quyết định đình chỉ việc truy tố hay bắt giam 1 Thẩm phán TCPV trong trường hợp phạm pháp quả tang.
- h- Cũng như Tổng Thống và Quốc Hội, Đại Hội Đồng TCPV có quyền chỉ định 1/3 tổng số Giám sát viên của Giám Sát Viện.
- k- Đảm nhận việc tổ chức bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống. Kiểm soát tính cách hợp thức của cuộc bầu cử và tuyên bố kết quả.
- l- Sau hết, là việc kiểm kê tài sản của Chủ tịch Giám Sát Viện và các Giám sát Viên.

3/ Khóa họp:

Đại Hội Đồng họp thường xuyên mỗi tháng 2 lần trừ thời gian hưu thăm. Các phiên họp Đại hội đồng do Chủ Tịch triệu tập.

4/ Điều hành:

Các phiên họp của Đại hội Đồng TCPV phải hội đủ túc số quá bán (5 người) tổng số Thẩm phán tại chức. Đối với các vụ thông thường, Đại Hội Đồng chỉ cần biểu quyết theo đa số tham phán hiện diện.

Tuy nhiên, theo điều 75 Luật 007/68, phán quyết của TCPV tuyên bố một đạo luật, Sắc Luật bất hợp hiến, hay giải tán một chính đảng phải hội đủ đa số 3/4 tổng số Thẩm phán TCPV.

II) VĂN PHÒNG TCPV-

1/ Thành phần:

Văn phòng TCPV gồm:

- 1 Chủ Tịch.
- 2 Phó Chủ Tịch (đều là Thẩm phán TCPV và do Đại Hội Đồng bầu lên).
- Các Thẩm phán đặc trách xử án.

2/ Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ là 1 năm, thành phần trong văn phòng TCPV năm trước có thể tái ứng cử.

3/ Nhiệm vụ chính:

Văn phòng TCPV đảm trách những nhiệm vụ có tính cách đối nội và đối ngoại dưới hình thức đại diện TCPV. Những nhiệm vụ chính của văn phòng TCPV:

- Đại diện TCPV trong các buổi lễ chính thức.
- Triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Đại hội Đồng và của Văn phòng TCPV.
- Ấn định và triệu tập các phiên xử công khai về bảo hiến và giải tán chính đảng.
- Áp dụng nội quy và thi hành quyết nghị của Đại hội đồng TCPV.
- Kiểm soát điều hành của Nha Tổng thư ký.
- Ban hành, phân phối những thông cáo, văn thư quan trọng trong và ngoài TCPV.

4/ Điều hành:

Văn phòng TCPV lập chương trình nghị sự của Đại hội đồng. Văn phòng họp mỗi tháng thường xuyên 4 lần và có thể họp bất thường khi có sự triệu tập khẩn cấp của Chủ tịch TCPV.

Văn phòng biểu quyết theo đa số quá bán và định túc số là tối thiểu 3 người trong mỗi phiên họp.

III) BAN BẢO HIỂN-

1/ Thành phần:

Do 1 Phó Chủ tịch TCPV điều khiển và 2 ủy viên.

2/ Nhiệm vụ:

Ban Bảo Hiến có nhiệm vụ tuyệt trình trước Đại hội đồng các vấn đề liên hệ sau:

- Việc giải thích Hiến Pháp.
- Tính cách hợp hiến hay bất hợp hiến của các đạo luật, Sắc Luật; tính cách hợp pháp của Sắc Lệnh, Nghị định và các Quyết định HC.

3/ Thủ tục biểu quyết:

Ban Bảo hiến biểu quyết theo đa số hội viên.

IV) BAN PHÁ ÁN-

1/ Thành phần:

Ban Phá án do 1 Phó Chủ tịch TCPV điều khiển và gồm 3 phòng:

- Phòng Hộ vụ.
- Phòng Hình vụ.
- Phòng Hành chánh.

Mỗi phòng sự điều hành được trao phó cho 1 Chánh thẩm và 2 hội thẩm.

2/ Nhiệm vụ:

- a- Phòng hộ vụ: xét xử những vụ thượng tố xin tiêu phá có tính cách hộ sự và phán định thẩm quyền về vụ tranh thẩm tích cực và tiêu cực giữa các cơ quan tài phán hộ sự.
- b- Phòng Hình vụ: xét xử những vụ xin tiêu phá có tính cách

hình sự, những vụ xin tái thẩm tích cực và tiêu cực giữa các cơ quan tài phán hình sự.

- c- Phòng HC: xét xử những vụ xin tiêu phá của các vụ kiện HC và phân định thẩm quyền về những tranh thẩm giữa các cơ quan tài phán HC.

Ngoài ra, TCPV còn có một Viện Chương Lý trực thuộc Bộ Tư Pháp, hành xử quyền công tố. Và về phương diện điều hành HC, có một Nha Tổng Thư Ký đặt dưới sự kiểm soát tổng quát của Chủ Tịch TCPV.

Phụ trợ các Thẩm Phán TCPV gồm một khối chuyên viên. Thêm vào đó, nếu Hội đồng Thẩm phán được thiết lập sẽ có nhiệm vụ cố vấn pháp luật cho TCPV

ca/song hai

## Thẩm quyền của Tối Cao Pháp Viện

Thẩm quyền của TCPV, được dự liệu nơi các điều khoản 81 và 82 của Hiến Pháp đệ II CH (1-4-1967) và nơi điều 2 của Luật 007/68 ngày 3-9-1968. Các thẩm quyền này được trình bày rải rác và chưa hệ thống hóa. Về vấn đề này, có nhiều khác biệt về chi tiết giữa các tác giả, luật gia, nhưng đa số đã phân chia thẩm quyền của TCPV, theo đường hướng khảo sát sau đây mà chúng tôi nhận định là tương đối hợp lý:

- ☐ Thẩm quyền kiểm hiến.
- ☐ Thẩm quyền giải thích hiến pháp.
- ☐ Thẩm quyền Tư Pháp, có tính cách tài phán gao gồm:
  - Quyền kiểm pháp
  - Quyền phá án
- ☐ Các thẩm quyền khác gồm 2 quyền chính yếu:
  - Quyền có tính cách chính trị.
  - Quyền có tính cách HC.

### MỤC I

#### THẨM QUYỀN KIỂM HIẾN

Thẩm quyền kiểm hiến này mang đến TCPV một hình thức của một cơ quan bảo hiến (như Viện Bảo Hiến với Hiến Pháp đệ I CH 1956). Trước ngày 1-11-1963, thẩm quyền này thuộc về Viện Bảo Hiến (qui định do Hiến Pháp 1956 từ điều 85-86). Viện này do Luật 07/60 ngày 23-12-1960 ấn định tổ chức, điều hành cùng các thủ tục áp dụng trước Viện. Viện Bảo Hiến có tính cách chính trị nhiều hơn tài phán; điều này được nhận thấy ngay trong

**THƯ-VIỆN QUỐC-GIA**

cơ cấu tổ chức nhân sự (vì trong thành phần có 4 dân biểu Quốc Hội).

Với Hiến Pháp độ II CH, TCPV đảm nhiệm thẩm quyền của Viện Bảo Hiến với tư cách là một cơ quan đại diện ngành Tư Pháp, được đặt ngang hàng với Hành Pháp và Lập Pháp. Sự thay đổi này được mô phỏng theo phần nào quan niệm tổ chức công quyền của Hoa Kỳ, dành quyền kiểm soát hiến tính của các văn kiện lập pháp và lập qui cho 1 cơ quan giống như tòa án thay vì cho một cơ quan, hay một ủy ban có tính cách chính trị.

ĐOẠN I. PHẠM VI KIỂM HIẾN CỦA TCPV-

Phạm vi kiểm hiến của TCPV được qui định nơi điều 81 của Hiến Pháp 1-4-67 (đoạn 1). Theo đó, TCPV có thẩm quyền phán quyết:

- Tính cách hợp hiến hay bất hợp hiến của các Đạo Luật, Sắc Luật.
- Tính cách hợp hiến hay bất hợp hiến của các Sắc Lệnh, Nghị định và Quyết định HC.

Riêng thẩm quyền phán quyết về tính cách hợp pháp của các Sắc Lệnh, Nghị định và Quyết định HC, nếu xét về bản chất nó thuộc về nhiệm vụ tài phán hơn nhiệm vụ kiểm hiến (dù vẫn thuộc thẩm quyền của ban Bảo Hiến). Do đó sẽ được trình bày như là một thẩm quyền kiểm pháp của một cơ quan Tài phán có tính cách chuyên môn và hành chánh.

I) CÁC ĐẠO LUẬT-

Là những luật hình thức, bao gồm những văn kiện lập pháp do Quốc Hội biểu quyết theo 1 thủ tục được Hiến Pháp quy định và Hành Pháp ban hành.

Nhưng ngoài các Đạo Luật thuần túy ra, cơ quan Lập Pháp còn biểu quyết những văn kiện có giá trị pháp lý tương đương có thể đồng hóa như các đạo Luật; đó là nội quy của Thượng và Hạ Viện. Như vậy TCPV có cả thẩm quyền kiểm soát các bản nội quy này và hành vi này phù hợp với tinh thần Hiến Pháp qua điều 81 mà không sợ sự lấn quyền.

TCPV phải có thẩm quyền rộng rãi không phải để kiểm soát

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
LVHC 853



tình trạng thực tế của Quốc Hội mà chỉ kiểm soát trên phương diện pháp lý, tránh trường hợp các cơ quan Lập Pháp dân cử soạn thảo và biểu quyết các nội quy mang lại cho chính các cơ quan này quá nhiều quyền lợi mà đáng lý ra Hiến Pháp cấm chỉ hay không nói đến. Ngoài ra, khi cơ quan Lập Hiến đã trao cho TCPV những thẩm quyền giải thích Hiến Pháp và giải tán Chánh đảng (mà Viện Bảo Hiến cũ không có), tất nhiên cũng đã nghĩ hoặc mong muốn TCPV kiểm soát thận trọng tất cả những hành vi, văn kiện pháp lý theo nguyên tắc tôn trọng Hiến Pháp.

So sánh với Hiến Pháp 1958 của Pháp, chúng ta thấy vấn đề cũng tương tự như trên, Hội Đồng Bảo Hiến phải có thẩm quyền kiểm soát hiến tính các bản nội quy trước khi được áp dụng. Tại VNCH, chỉ khác là không được Hiến Pháp minh thị chấp nhận, nhưng theo quan niệm giải thích rộng rãi như trên, chúng ta có thể chấp nhận sự chấp thuận của Hiến Pháp là một điều mặc nhiên.

## II) CÁC SẮC LUẬT-

Có tính cách là một đạo Luật, nhưng do quyền Hành Pháp làm ra và cho thi hành ngay với sự chuẩn nhận sau đó của Quốc Hội. Hiến Pháp VNCH (1-4-1967) không minh thị chấp nhận quyền Hành Pháp bằng Sắc Luật của Tổng Thống do sự ủy nhiệm của Quốc Hội và chỉ quy định trong điều 64 rằng, trong các trường hợp đặc biệt, Tổng Thống có thể ký Sắc Luật tuyên bố tình trạng báo động, giới nghiêm hay khẩn trương trên một phần hay toàn lãnh thổ.

Tuy nhiên, trong hiện tại, các Sắc Luật được Hành Pháp liên tiếp ban hành căn cứ vào luật Ủy quyền của Quốc Hội đã cho người ta thấy một ý nghĩa trái ngược điều 64 trên. Có thể cho rằng tình trạng Quốc Gia hiện thời ở vào một tình trạng đặc biệt (chẳng hạn như khẩn trương do chiến tranh gây nên), nhưng Hành Pháp đã không ký Sắc Luật trước để nhận sự phê chuẩn sau đó của Quốc Hội. Như vậy, khó có thể quan niệm rằng luật Ủy Quyền của Quốc Hội là một hình thức phê chuẩn hành vi của Hành Pháp theo như tinh thần được ghi nhận ở khoản 2 điều 64 (1)

(1) Quốc Hội phải được triệu tập chậm nhất 12 ngày kể từ ngày ban hành Sắc luật để chuẩn, sửa đổi hay bãi bỏ.

Vì rằng sự phê chuẩn hậu thiên mang một tính cách kiểm soát các Sắc Luật của Tổng Thống chứ nếu là tiên thiên bằng một Luật Ủy quyền, thời vấn đề sửa đổi hay bãi bỏ không được chú trọng nữa.

Do đó, vấn đề chính yếu của TCPV, nếu thực sự thi hành được thẩm quyền của mình, khi vấn đề được đặt ra trước TCPV là kiểm soát tính cách hợp hiến (chỉ cần về hình thức) của luật Ủy quyền, xem xét sự ủy quyền của Quốc Hội thẳng cho Hành Pháp có tôn trọng Hiến Pháp hay không? (1).

Ngoài loại Sắc luật kể trên, hiện thời TCPV có thẩm quyền kiểm soát về phương diện bảo hiến 2 loại Sắc Luật sau:

- Các Dự, Chỉ Dự, Sắc Dự hay Đạo Dự có trong thời gian trước 1956, cùng các Sắc Luật được ban hành trong thời gian hỗn loạn sau ngày 1-11-1963 khi chưa có cơ quan dân cử. Cần chú ý, các Dự, đạo Dự, Sắc Luật này nếu chưa bị Hiến Pháp 1-4-67 và các đạo Luật về sau hủy bỏ vẫn còn được áp dụng và có giá trị như một đạo Luật.
- Các Sắc Luật mà Hành Pháp có thể ký để ban hành từng phần Ngân Sách cho tài khóa tới nếu Quốc Hội 2 viện không chung quyết xong trước cuối năm (điều 46 Hiến Pháp). Điều này được áp dụng tương tự tại nhiều nước. Chẳng hạn, ở Ba Tây, nếu Quốc Hội không chuyển dự luật Ngân Sách đến Tổng Thống vào ngày 30-11 thì Ngân Sách cũ sẽ được tái tục. Ở Hòa Lan, Nếu chưa có ngân sách mới, Hành Pháp có quyền thi hành ngân sách cũ cho đến hết 4 tháng đầu của tài khóa.

### III) SẮC LỆNH, NGHỊ ĐỊNH VÀ CÁC QUYẾT ĐỊNH HC-

Được gọi chung là các pháp quy HC, thường thuộc quyền lập

---

(1) Hiến Pháp không minh thị chấp nhận quyền lập pháp bằng Sắc Luật của Tổng Thống do sự ủy nhiệm của Quốc Hội. (Nhiệm vụ của Chánh thẩm tòa Hình, của Nguyễn văn Lượng, Lê tài Triển, Trần thúc Linh trang 19) .

quy của Hành Pháp (ngoài ra còn của các cơ quan hiến định khác, nhưng tầm quan trọng thấp kém hơn).

Các pháp quy HC gồm các Sắc Lệnh của Tổng Thống, Thủ Tướng, Nghị định của Tổng, Bộ, Đô Trưởng, các quyết định HC của Tỉnh Trưởng. Nên ghi nhận rằng, cấp thẩm quyền trên có quyền ban hành những văn kiện của các cấp dưới, nhưng ngược lại, thời không được nếu không quyết định HC sẽ bị coi vô hiệu vì vô thẩm quyền.

Án lệ, cho thấy đôi khi nó còn bao gồm những thông cáo (như vụ Trương gia Kỳ Sanh kiện một thông cáo của TCPV về cuộc bầu cử bổ túc ứng tuyển viên thẩm phán TCPV vào tháng 4-1971 và phán quyết của Đại hội đồng TCPV đã xác nhận tính cách vi hiến của thông cáo này (1) ).

Trong khu vực này, các luật gia thường phân biệt quyền Lập pháp của Quốc Hội và quyền Lập quy của Hành Pháp. Trong bản chất, 2 quyền này tương tự nhau, ở chỗ ấn định những quy tắc trừu tượng, ấn định những quyền lợi và nghĩa vụ chi phối người dân; các văn kiện này quy định họ phải có những điều kiện nào mới được hay bị các quyền lợi và nghĩa vụ đó.

Các quy tắc đó cũng đặt ra các tiêu chuẩn xác định phẩm và lượng của quyền và nghĩa vụ đối với người dân. Nhưng 2 quyền trên được phân biệt qua phạm vi của mỗi quyền và đẳng cấp giữa 2 quyền. Một đạo luật thuộc khu vực đầu, thuộc vào thẩm quyền nguyên thủy của Lập Pháp, quyền Hành Pháp không thể tự ý nêu lên. Nhưng trong thực tế, đạo luật không thể quy định tỉ mỉ, chi tiết được nên chỉ đưa ra các chỉ hướng tổng quát rồi ủy nhiệm cho Hành Pháp dùng quyền Lập quy đặt ra các quy tắc đi sâu vào chi tiết để có thể áp dụng trong những phạm vi nhỏ hẹp hơn. Nhưng Hành Pháp không thể dùng quyền này để lợi dụng vào "kẽ hở" của luật lệ đưa ra những nguyên tắc bằng những văn kiện lập quy cấp dưới trái với Hiến Pháp. Do đó vấn đề kiểm soát hiến tính của các văn kiện lập quy được đặt ra.

---

(1) Phán quyết ngày 20-4-1971, CB số 22 ngày 1-5-1971

## ĐOẠN II- THỦ TỤC ÁP DỤNG TRƯỚC TCPV-

Đối với thẩm quyền kiểm hiến của TCPV, thủ tục kiểm hiến áp dụng trước TCPV, dành cho tất cả mọi cơ quan công quyền có tư cách pháp nhân công pháp (Tỉnh, Xã...), và cho cả tư nhân (thể nhân, pháp nhân tư pháp) (1). Như vậy, thủ tục có tính cách rộng rãi. Nhưng tại đây có 1 vấn đề được nêu lên là TCPV có thể thụ lý đơn của Quốc Hội (nếu nhân danh Quốc Hội kiện vi hiến), xin phán quyết về hợp hiến tính của một văn kiện lập quy của Hành Pháp hay không? Vì rằng Quốc Hội có thể coi là một pháp nhân hay không? Nói cách khác, đơn kiện xin bảo hiến của Quốc Hội đệ nạp, chỉ có thể được chấp nhận nếu Quốc Hội có quyền khởi tố tức là có tư cách pháp nhân.

Câu trả lời có nhiều phức tạp và mâu thuẫn giữa pháp lý với thực tại. Luật học công nhận pháp nhân Quốc Gia biểu trưng cho quyền lợi tập thể của cộng đồng Quốc Gia. Trong quan điểm ấy, khi khối quyền lợi mà pháp nhân biểu trưng bị một pháp nhân khác hay thể nhân xâm phạm thì pháp nhân xử dụng những tố quyền cần thiết để xin chế tài.

Quốc Hội và Hành Pháp hành động cùng chung một mục đích là phục vụ và biểu hiện quyền lợi của cộng đồng Quốc Gia và toàn dân. Nếu chấp nhận Quốc Hội có tư cách pháp nhân thì phải gián tiếp chấp nhận Hành Pháp cũng có tư cách này. Điều này làm cho Quốc Hội và Hành Pháp không cùng đại diện cho pháp nhân Quốc Gia (quyền lợi tập thể của cộng đồng quốc dân) nữa.

Hệ luận này đưa đến ý niệm xâm phạm nguyên tắc bất khả phân của Quốc Gia. Nếu Quốc Hội và Hành Pháp có tư cách pháp nhân riêng tức là mỗi bên đại diện cho một khối quyền lợi riêng thì đâu còn là ý niệm chủ quyền Quốc Gia đơn nhất nữa.

Tuy nhiên trên thực tế, ngoài các biện pháp hiến định có tính cách chính trị như chất vấn, kiểm soát, bất tín nhiệm... Quốc Hội phải có một phương cách pháp lý để xin TCPV kiểm hiến

---

(1) Điều 63 Luật 007/68 ngày 3-9-1968

hầu phát giác sự vi hiến của Hành Pháp. Và lại, đây cũng không phải là độc quyền riêng của Quốc Hội mà dành cho hai bên như những phương tiện kiểm soát lẫn nhau. Một cơ quan vượt quá quyền hạn hiến định, cơ quan kia trên phương diện thực tế có thể hành xử thủ tục xin kiểm hiến trước TCPV. Trong hơn 5 năm nay, phương cách này đã được dùng đến rất nhiều.

Tóm lại, đối với thủ tục kiểm hiến, TCPV chấp đơn từ mọi nơi. Nhưng về nội dung, chỉ có một thủ tục hậu kiểm (à post-riori) và 2 phương cách kháng tố (chính tố và khước biện).

### I) THỦ TỤC KIỂM HIẾN CÓ TÍNH CÁCH HẬU THIÊN-

Nghĩa là kiểm soát tính cách hợp hiến của các đạo luật, Sắc lệnh, nghị định và quyết định HC sau khi đã được ban bố và đã được thi hành.

Đổi ngược với chế độ hậu kiểm này, là chế độ kiểm soát có tính cách tiên thiên (à priori) hay được gọi là tiền kiểm; sự kiểm soát hợp hiến tính được thực hiện trước khi đạo luật được ban hành. Thí dụ như ở Syrie, sau khi một dự luật được Quốc Hội chung quyết, nếu Tổng Thống hoặc 1/4 tổng số dân biểu cho rằng dự luật đó bất hợp hiến, dự luật sẽ được chuyển đến TCPV để cơ quan này xét định. TCPV có thời hạn 10 ngày để phán quyết. Nếu bị TCPV cho là bất hợp hiến, dự luật sẽ được chuyển về Quốc Hội để tu chỉnh. (Điều 63 Hiến Pháp Syrie 1950). Hiến Pháp Ecuador 1946 cũng áp dụng kỹ thuật gần giống như thế. Theo các điều 66 và tiếp theo của Hiến Pháp này, sau khi nhận được bản dự luật của Quốc Hội chung quyết để chờ ban hành, cơ quan Hành Pháp nếu thấy dự luật đó bất hợp hiến, buộc phải trả về Quốc Hội kèm theo các lý do dẫn chứng. Quốc Hội nếu đồng ý với Hành Pháp sẽ hủy bỏ đạo luật đó đi. Còn nếu không, Quốc Hội lại chuyển dự luật lên TCPV xin phán quyết và phán quyết này có tính cách bắt buộc. Tại Pháp và Sénégal (67, 72, Hiến Pháp ngày 3-3-1963) cũng lập chế độ tiền kiểm như trên). Chế độ này có lợi điểm căn cứ vào tính cách phòng ngừa hơn là đợi có đạo luật rồi mới kiện xử. Như vậy tránh được sự áp dụng, gây ra những tình trạng đã rồi, đưa đến những hậu quả đáng tiếc, làm nguồn gốc cho sự bất công, nếu đạo luật đó về sau

mới được coi là bất hợp hiến.

Nhưng chế độ tiền kiểm cũng bị chỉ trích, là nếu TCPV phán quyết về một đạo luật (khi còn là một dự luật) và tuyên phán dự luật ấy bất hợp hiến thời đó là một hành động xâm phạm nguyên tắc phân quyền, một hành vi hạn chế quyền lập pháp và cũng hạn chế tính cách độc lập của Quốc Hội.

Do đó quyền Tư Pháp sẽ can thiệp vào lãnh vực lập pháp, đặt ra một sự cấm đoán mà nhà lập pháp phải tuân theo.

Trở lại với tính cách kiểm hiến hậu thiên, thủ tục hậu kiểm của TCPV VNCH mô phỏng phần lớn chế độ thông thường được áp dụng tại các quốc gia trong sự kiểm soát hợp hiến tính của các đạo luật như ở Hoa Kỳ, Cộng Hoa Liên Bang Tây Đức. Thủ tục này cũng đã được áp dụng tại viện Bảo Hiến (Hiến Pháp 1956, đệ I CH). Nhưng TCPV ngoài nhiệm vụ kiểm hiến còn có thẩm quyền giải thích Hiến Pháp, được coi như là một hình thức phòng ngừa có tính cách tiền kiểm, nhưng chỉ trong một giới hạn nào đó mà thôi.

## II) CÁC PHƯƠNG CÁCH KHÁNG TỔ

Thủ tục kiểm soát hiến tính trước TCPV vẫn được duy trì những thủ tục áp dụng trước Viện Bảo Hiến đệ I CH, với một vài thay đổi chi tiết. Nghĩa là trên nguyên tắc chung, vẫn còn quy định song hành 2 phương cách kháng tổ:

- Chính tổ
- Khước biện.

### 1/ Phương cách chính tổ:

Còn gọi là kiểm soát hiến tính bằng cách thụ lý trực tiếp. TCPV với thẩm quyền bảo hiến có thể đình chỉ sự thi hành một đạo luật, nếu tính cách bất hợp hiến được xác nhận. Kiểm soát này được gọi là trực tiếp vì việc kiểm hiến một đạo luật do sự khởi tố trực tiếp.

Cách thụ lý này có 3 đặc điểm:

- Được Hiến Pháp quy định.
- Đạo luật bị đình chỉ coi như bị hủy bỏ và không còn hiệu lực.
- Hậu quả của sự kiểm hiến có tính cách tuyệt đối, hiệu lực đối với bất kỳ ai.

Đương sự mà quyền lợi bị thiệt hại do sự áp dụng của một đạo luật hay một văn kiện lập quy gây nên, có thể nộp thẳng đơn khởi tố tại Nha Tổng thư ký (TCPV) để xin phán quyết về tính cách bất hợp hiến của văn kiện đó.

Đơn khởi tố, phải viện dẫn lý do, chứng minh sự áp dụng các bản văn lập pháp hay lập quy ấy làm thiệt hại trực tiếp hay gián tiếp quyền lợi của mình. Riêng pháp nhân công pháp được miễn chứng minh lợi ích để khởi tố.

Đối với thể nhân, hay pháp nhân tư pháp, nếu đơn khởi tố không có lý do hoặc nội dung lý do không xác đáng, đơn khởi tố sẽ vô giá trị và TCPV sẽ bác đơn về phương diện hình thức. Đó cũng là nguyên tắc căn bản trước các tòa án thông thường, có quyền lợi mới được đi kiện và quyền lợi này phải bị xâm phạm hay bị gây thiệt hại.

TCPV sẽ thụ lý trực tiếp xem đạo luật, Sắc lệnh, Nghị định quyết định HC bị khởi tố có phản hiến hay không?

Đơn chính tố còn phải đính kèm theo biên lai đóng tiền dự phạt 5.000\$ tại Nha Tổng Thư ký TCPV và tiền này sẽ bị tịch thu nếu đơn khởi tố bị TCPV bác bỏ.

## 2/ Phương cách khước biện:

Còn gọi là phương cách kiểm hiến bằng cách thụ lý gián tiếp được đặt ra như một việc phụ đới, nhân một vụ kiện ở tòa án cấp dưới, tính cách bất hợp hiến của một văn kiện pháp lý được đặt ra.

Phương cách này được quy định nơi điều 64, luật 007/68 ngày 3-9-1968. Muốn hành xử phương cách này, đương sự phải đang tranh chấp một vụ kiện trước một tòa án (Hình, Hộ hay Đặc Biệt...) và bất cứ trong giai đoạn nào, kể cả giai đoạn phá án.

Nếu một bên đương tụng thẳng đối phương của mình (kể cả tòa án), áp dụng một bản văn luật pháp hay một quyết định HC nói chung, nhận thấy bản văn ấy trái với Hiến Pháp và sự áp dụng này làm phương hại đến quyền lợi của mình thì đều có thể dùng phương cách khước biện để chống lại. Nghĩa là yêu cầu Tòa án đang thụ lý không được áp dụng bản văn đó.

Trong trường hợp nói trên, đương tụng phải đích thân hoặc nhờ luật sư của mình thay mặt, nộp đơn khiếu biện trong phiên xử của tòa đang thụ lý chánh vụ. Trong đơn phải viện dẫn lý do và người đứng đơn phải đóng 5000\$ tiền dự phạt tại phòng lục sự của tòa án này.

Tại đây, sẽ cấp biên lai và biên lai phải làm một lượt với đơn xin khiếu biện thì mới được cứu xét. Tòa án, ngay trong phiên xử nói trên sẽ quyết định chấp nhận chuyển đơn của đương sự hay không sau khi nghe đại diện của công tố kết luận. Quyết định này chỉ là một quyết định thường, được ghi trong bút ký của phiên tòa. Trong trường hợp tòa án chấp thuận chuyển đơn, thì hồ sơ vụ kiện, đơn khiếu biện và biên lai tiền dự phạt sẽ được tòa án này chuyển lên Nha Tổng thư ký TCPV trong thời hạn 7 ngày và Tòa sẽ đình chỉ chánh vụ cho đến khi có phán quyết dứt khoát của TCPV về đơn khiếu biện. Khi đó, nội vụ sẽ được đem xử lại chánh vụ, căn cứ vào phán quyết của TCPV.

Nếu tòa án từ chối không chấp thuận chuyển đơn lên TCPV, vì lý do nại dẫn là đơn khiếu biện "hiển nhiên không xác đáng" và nếu đương sự tiếp tục khiếu nại thì tòa án vẫn phải chuyển đơn lên TCPV và hoãn xử. Thời gian khiếu nại chống lại quyết định từ chối của tòa án là 7 ngày sau ngày có quyết định này. Trong đơn khiếu nại của trường hợp này, cũng phải viện dẫn lý do đối kháng và cũng nộp tại phòng lục sự tòa liên hệ. Chánh lục sự sẽ chứng nhận và lập biên bản về việc chấp nhận đơn khiếu nại. Sau đó, tòa án có thêm thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận đơn khiếu nại để chuyển hồ sơ đó lên TCPV.

Tóm lại, thủ tục khiếu biện dành cho người dân tranh tụng trước tòa án một quyền hạn quá rộng rãi với một thời gian lâu dài.

### III) THỦ TỤC PHÂN XỬ

Khi nhận được hồ sơ chính tố hay của tòa dưới chuyển lên, Chủ tịch TCPV sẽ tùy theo tầm quan trọng của vụ án mà ấn định cho hai bên một thời hạn nào đó để nộp biện minh trạng. Nếu mãn hạn này mà bên nào không nộp biện minh trạng của mình, thì kể như được coi là không còn lý do bào chữa cho mình ngoài những lý do ghi nhận trong hồ sơ đơn khởi tố. Tất cả biện minh



trạng của một bên sẽ được thông báo cho bên kia biết lập trường của đối phương mà bảo chữa cho mình.

Khi đã đầy đủ thủ tục, Chủ tịch TCFV sẽ ấn định một phiên xử công khai và loan báo ngày giờ xử, địa điểm cho hai bên rõ.

Phán quyết của TCPV sẽ được công bố trong một phiên tòa công khai và phải viện dẫn lý do. Riêng quyết định tịch thu hay hoàn lại tiền phạt không cần phải viện dẫn lý do.

Các phán quyết của TCFV tuyên phán bất hợp hiến các đạo luật, sắc luật, các văn kiện lập quy có hiệu lực tuyệt đối trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nghĩa là có hiệu lực đình chỉ hoàn toàn bản văn ấy trong tương lai hoặc một hay nhiều điều khoản bất hợp hiến của văn kiện này.

Còn đối với phán quyết bác đơn khởi tố hay khước biện chỉ có một hiệu lực tương đối.

Ngoài ra một đặc điểm đáng chú ý là phải có một đa số đặc biệt hội đủ 3/4 tổng số thẩm phán TCPV tại chức để phán quyết tuyên bố một đạo luật hay sắc luật bất hợp hiến. Điều kiện đa số đặc biệt này không áp dụng cho những phán quyết thông thường, hay các phán quyết tuyên bố tính cách hợp hiến, hợp pháp của các bản văn lập quy. Đối với các văn kiện này chỉ cần một đa số quá bán của khoáng đại toan viện mà thôi.

## MỤC II

### THẨM QUYỀN GIẢI THÍCH HIẾN PHÁP

TCPV có quyền giải thích Hiến Pháp và thẩm quyền này là độc quyền của TCPV, nhưng TCPV sẽ không tự động giải thích Hiến Pháp mà chỉ giải thích khi nào những nhân vật có thẩm quyền yêu cầu mà thôi.

#### ĐOẠN I. TẠI SAO CẦN GIẢI THÍCH HIẾN PHÁP-

Để trả lời câu hỏi này, thiết tưởng nên bàn về môn Luật Hiến Pháp, về sự thể hiện của các hiến thuyết trong một cộng đồng ưng ý (consensus). Các nhà nghiên cứu Hiến Pháp đều

nhìn nhận các quốc gia không đồng ý nhau về những điều khoản nên có trong một Hiến Pháp. Na Uy viết Hiến Pháp với 25 trang, đủ nói lên tất cả những gì mà các nhà lập hiến của quốc gia này muốn nói, trong lúc người Ấn Độ phải cần dùng đến 250 trang (Hiến Pháp 1950).

Về nội dung, người ta nhận thấy 2 chủ trương rõ rệt:

- Các Hiến Pháp như một tài liệu hợp pháp trong đó chỉ có các điều khoản luật pháp và không có chi khác. Đó là trường hợp điển hình của Anh Quốc và một vài quốc gia chịu ảnh hưởng.
- Hoặc coi Hiến Pháp như là một bản tuyên ngôn, một cáo bạch các tín điều, một tuyên dương lý tưởng, một lý thuyết chính trị, điều hành tổng quát cơ cấu và định chế căn bản của quốc gia.

Và người ta, do đó, thường đặt câu hỏi: "Một Hiến Pháp có thể gồm những gì?"

Ông John Marshall, Chủ Tịch TCPV Hoa Kỳ (1801-1835), một trong những nhà kiến trúc quan trọng của Hiến Pháp Hoa Kỳ, có nói năm 1818 rằng:

"Nếu một Hiến Pháp phải chứa đựng những chi tiết căn bản về tất cả những bộ phận phụ thuộc và về tất cả những biện pháp áp dụng để thi hành thì Hiến Pháp này có thể sẽ chia phần cái dài dòng, vụn vặt của pháp điển (legal-code) và có thể tư tưởng con người không ôm ấp hết, công chúng có thể không hiểu được. Vì vậy tính cách của Hiến Pháp đòi hỏi chỉ nên ghi rõ những đại cương, trình bày những mục tiêu quan trọng, những thành phần nhỏ của mục tiêu ấy nên trích ra từ bản chất của chính các mục tiêu này" (1)

---

(1) "...to contain an accurate detail of all the subdivisions... and of all the means by which they may be carried into execution, would partake of the prolixity of legal code and could scarcely be embraced by the human mind. It would probably never be understood by the public. Its nature, therefore, requires that only its great outlines should be marked, its important objectives designation, and the minor ingredients which compose those objects be deduced from the nature of the objectives themselves" Trần-văn-Ân, "Dân chủ và Hiến Pháp", Saigon 1966, trang 76, 77.

Nhiều nhà nghiên cứu và học hỏi về Hiến Pháp cũng đồng ý với quan điểm của ông J.Marshall, tức là Hiến Pháp chỉ nên có cái tối thiểu và tối yếu mà thôi.

Tuy nhiên, các nhà thảo hiến thường gặp phải những khó khăn nơi người nhận lãnh Hiến Pháp, để họ khỏi gặp những trường hợp nan giải hay tối tăm. Đứng trên bình diện thảo lập Hiến Pháp, nguyên tắc tối thiểu và tối yếu, đại cương có phần dễ làm cho nhà lập Hiến, nhưng trên thực tế không cho phép họ dừng lại ở những đại cương mà thôi, nhất là gặp phải những vấn đề khẩn thiết của Quốc gia. Vả lại, không một hình thức hay nội dung của Hiến Pháp nào có thể làm mẫu mực cho mọi cộng đồng xã hội, vì Hiến Pháp là phản ảnh sức sống của nhân dân một Quốc Gia và điều hướng chính phủ trên đường lãnh đạo. Nên Hiến Pháp phải thích hợp với dân tộc tính và đường tiến của dân tộc.

Thêm vào đó, bản chất của mọi sự vật không nầu trong trạng thái tĩnh, mà bị chi phối miên viễn bởi linh động thuyết. Như vậy, trong tương lai, Hiến Pháp chắc chắn không thể phù hợp mãi với tình thế; sẽ có nhiều vấn nạn được đặt ra.

Nhưng vấn đề sửa chữa, thay đổi (tu chính Hiến Pháp) không phải theo những thủ tục thông thường, nên để tránh những cản trở ngăn đọng của thời gian, Hiến Pháp cần phải được giải thích và sự giải thích này phải dung hòa giữa sự tôn trọng Hiến Pháp và sự phù hợp với quyền lợi trường kỳ của Quốc gia.

Ngoài ra, kinh nghiệm cho thấy, có những vấn đề không rõ thuộc vào loại nào, phải liệt vào danh sách A, B hay C, bởi vì ngôn từ không đủ diễn tả một cách chính xác và phân minh mà thường có nghĩa rộng và mờ ám. Cho nên khi người ta chủ trương viết cho thật rõ, thật đầy đủ, thường là không rõ và dễ thiếu sót. Do đó vấn đề giải thích những nghi vấn, những trường hợp không quy định trong Hiến Pháp đưa đến việc cần thiết phải giải thích Hiến Pháp.

## ĐOẠN II. VẤN ĐỀ GIẢI THÍCH HIẾN PHÁP CỦA TCPV-

Với quan niệm được trình bày, giải thích Hiến Pháp là một nhiệm vụ tài phán và khi hành xử thẩm quyền này, TCPV không thể chỉ hành động như một tòa án thường, nghĩa là không

thể chỉ biết những kỹ thuật chuyên môn của nhiệm vụ tài phán.

Vì là một nhiệm vụ bảo hiến trước những tranh chấp giữa Lập Pháp và Hành Pháp nên luật 007/68 (3-9-1968) nói điều 73 là không phải bất cứ ai cũng có quyền yêu cầu TCPV giải thích Hiến Pháp, cơ quan đứng yêu cầu không phải là tư nhân mà là đại diện Hành Pháp (Tổng Thống), đại diện Lập Pháp (Chủ tịch Thượng Viện) hoặc 1/3 tổng số nghị sĩ hay 1/3 tổng số dân biểu.

Như vậy, khi có sự yêu cầu giải thích Hiến Pháp, chúng ta phải quan niệm ngầm hiểu rằng nó bắt nguồn từ một sự tranh chấp công khai hay ngầm ngấm giữa Hành Pháp và Lập Pháp. Vì lẽ dễ hiểu là trên thực tế, Tổng Thống sẽ không sử dụng quyền yêu cầu TCPV giải thích Hiến Pháp để xin phán đoán, kiểm soát chính hành vi của mình trừ khi nhằm mục đích tranh chấp thẩm quyền hay bất đồng quan điểm với Lập Pháp và ngược lại, Quốc Hội cũng hành xử quyền yêu cầu TCPV giải thích Hiến Pháp với mục tiêu tương tự.

Về đặc điểm của thủ tục giải thích Hiến Pháp, chúng ta thấy có một vài vấn đề đáng lưu ý như sau:

- Văn thư yêu cầu giải thích Hiến Pháp được miễn nộp tiền dự phạt.
- Đại hội đồng TCPV phải phán quyết trong thời hạn tối đa 2 tháng kể từ ngày nhận được văn thư yêu cầu và phán quyết của TCPV giải thích Hiến Pháp cũng có một giá trị hiệu lực tuyệt đối.

Các trường hợp điển hình xảy ra sẽ được trình bày về phê bình trong phần hoạt động của TCPV (chương III).

### MỤC III

#### THẨM QUYỀN TÀI PHÁN CỦA TCPV

Với thẩm quyền tài phán, TCPV giữ một vai trò bậc nhất của ngành Tư Pháp, vừa là một cơ quan có nhiệm vụ kiểm soát hợp pháp tính của các bản văn lập quy, vừa là một tòa án tối cao có thẩm quyền phá án.

## ĐOẠN I. THẨM QUYỀN KIỂM PHÁP-

Theo tổ chức nội bộ của TCPV, thẩm quyền này được giao cho ban Bảo hiến và khi quy định tổ tụng áp dụng trước TCPV, luật 007/68 cũng đã đặt thẩm quyền kiểm pháp vào trong phạm vi của thủ tục bảo hiến. Nhưng về bản chất, thẩm quyền này có tính cách tài phán nhiều hơn là bảo hiến; vì rằng trong thực tế, nó có nghĩa là kiểm soát chính nhà cầm quyền HC, với phạm vi ấn định các nguyên tắc lập quy, các văn kiện HC ràng buộc quyền lợi và nghĩa vụ người công dân.

Tuy nhiên, về phương diện pháp lý, ông P.Duez đã cho rằng luật và Hiến Pháp cùng một bản chất pháp lý, chỉ khác nhau về hệ cấp; quy tắc Hiến Pháp với tính chất ưu thế điều hướng sự soạn lập luật lệ, cũng như luật là khuôn khổ của các văn kiện lập quy. Như vậy về pháp lý, sự kiểm hiến và kiểm pháp được coi là một loại, chỉ khác nhau về mức độ mà thôi.

Trở về luật thực tại, dưới thời đệ I CH tại VN thẩm quyền kiểm hiến do Viện Bảo Hiến đảm trách và việc kiểm soát không thuộc phạm vi bảo hiến, nên được giao cho một cơ quan khác, là Tham Chánh Viện với tổ tụng chống thặng quyền. Tham Chánh Viện với thủ tục này, hành xử thẩm quyền kiểm soát tính cách hợp pháp của các hành vi HC với mục đích che chở người dân chống lại sự lạm dụng của các chức quyền HC.

Ngày nay, quyền kiểm pháp được giao về TCPV với một vài sự sửa đổi về thủ tục tổ tụng.

Muốn hiểu rõ thẩm quyền này, cần phải xét đến vấn đề hợp pháp, thủ tục tổ tụng rồi phân tích bản chất của tổ tụng này hầu nhận chân những sửa đổi và những khó khăn do từ bản chất của tổ tụng kiểm pháp gây ra.

### I) THẾ NÀO LÀ HỢP PHÁP VÀ VI PHÁP-

Trong đạo luật 007/68 và trong điều 81 của Hiến Pháp, ngôn từ "bất hợp hiến" được dùng để đối chiếu với "bất hợp pháp". Bất hợp hiến là vi phạm đến quy tắc trong Hiến Pháp, còn bất hợp pháp là khi vi phạm một qui tắc pháp lý, ngoài những điều khoản ghi trong Hiến Pháp, đặc biệt là vi phạm một đạo luật

và kể cả những quy tắc của án lệ.

Luật không minh thị ghi những điều kiện phải tuân theo để sự thiết lập các quyết định HC được hợp pháp. Nhưng với sự suy luận đối nghịch, chúng ta nhận biết những điều kiện, dựa vào dụ số 38 ngày 9-11-1954, tổ chức Tham Chánh Viện. Theo Dụ này, khi quyết định thủ tiêu một quyết định HC, Tham Chánh Viện chỉ cần nhận thấy sự vi phạm một trong 4 nguyên tắc sau:

- Vô thẩm quyền
- Vi luật
- Không lý do hay lý do không xác đáng
- Lạm quyền.

Bằng cách suy luận đối nghịch những tỉ tích trên, một bản văn lập quy hợp pháp khi nó phù hợp những điều kiện về hình thức và những điều kiện về nội dung.

1/ Điều kiện hợp pháp về hình thức: (légalité formelle)

Bao gồm điều kiện về thẩm quyền và thủ tục, một quyết định HC phải do nhà chức trách có thẩm quyền quyết định ký tên ban hành, tôn trọng những thủ tục soạn lập (trong thời gian pháp định, với những thủ tục thiết yếu...)

Án lệ Tham Chính Viện Pháp cũng chấp thuận cho phép đương sự được chỉ trích sự hợp pháp của một quyết định HC khi nhận thấy trong khi đang thiết lập, đã có sự thiếu sót một thủ tục nào đó.

2/ Điều kiện hợp pháp về nội dung:

Quyết định HC hợp pháp khi không vi luật về nội dung, nghĩa là tôn trọng các quy tắc cấp trên. Ngoài ra nội dung của một bản văn lập quy phải có lý do về hai phương diện pháp lý và vật chất, thêm vào đó lý do phải xác thực. Đây là một điều kiện có tính cách chủ quan và dành cho thẩm phán một quyền hạn rộng rãi.

Sau cùng, sự hợp pháp của bản văn lập quy là phải được thành lập đúng theo mục đích mà luật pháp trữ liệu cho bản văn lập quy đó.

Nếu khi ban hành 1 quyết định HC, cơ quan hữu trách lại đeo đuổi một mục đích khác với mục đích đã được dự liệu, thì

quyết định sẽ bị coi như vi pháp vì sự trá quyền hay lạm quyền.

## II) HÌNH THỨC TỔ TỤNG KIỂM PHÁP-

Luật 007/68 đã đồng hóa thủ tục kiểm pháp với thủ tục kiểm hiến. Vì vậy, tố quyền xin phán quyết về tính cách bất hợp pháp của một Sắc lệnh, Nghị định hay các quyết định HC cũng được dành cho tất cả mọi người (thể nhân) và mọi cơ quan có tư cách pháp nhân, có quyền lợi để hành xử tố quyền. Riêng pháp nhân công pháp được miễn chứng minh lợi ích để khởi tố trước TCPV.

Trong thực tế, đã một lần, TCPV có một phán quyết ngược lại với trường hợp cần viện dẫn lý do lợi ích đối với một thể nhân và có thể tạo thành một án lệ đưa đến một tiền lệ quan trọng cùng đặc biệt.

Trong cả 2 phương diện kiểm hiến và kiểm pháp, đi kiện thì phải có quyền lợi. Luật định như vậy, không có quyền lợi, thể nhân và pháp nhân tư pháp, không đi kiện được, hoặc đơn sẽ bị bác về phương diện hình thức và TCPV không xét xử đến nội dung việc người đi kiện thỉnh cầu. Tuy nhiên phải bàn đến một vụ kiện đặc biệt vào tháng 4-1971, khi ông Nam Đình Nguyễn-thế-Phương kiện vi hiến Sắc lệnh bổ nhiệm các Thẩm phán TCPV khi có sự rắc rối trong việc định bầu cử bổ túc 6 Thẩm phán cho TCPV; sự vi hiến và vi pháp của thành phần hiện hữu của cơ quan này được đặt ra và ông Nam Đình đã khởi đơn đi kiện Sắc lệnh trên.

Lúc bấy giờ, báo chí có đăng tải phán quyết (ngày 7-6-71) đăng trong công báo, (ngày 14-6-1971, trang 3825), về vụ số 12-71/TCPV-BH về vụ Nguyễn thế Phương xin tuyên bố bất hợp hiến Sắc Lệnh số 510-SLh-TT (19-10-1968) và điều 4 luật 7/68 (3-9-68). Trong phán quyết đó, mặc dù TCPV xác nhận ông Nguyễn-thế-Phương không có quyền lợi để khởi tố, cơ quan này cũng đã viện lẽ rằng vụ kiện có tính cách quan trọng để cứ xét xử về nội dung và cuối cùng xác nhận thành phần TCPV hợp hiến chứ không vi hiến như ông Nam Đình và báo chí nêu lên (1).

---

(1) Theo báo Chính Luận, số 2260 ngày 16-9-1971

Vậy thì, một vài trường hợp cho chúng ta nhận định vấn đề quyền lợi đi kiện, đôi khi trở thành một chuyện nhỏ hay không đáng chú ý đến. Điểm chính yếu là mức độ quan trọng của vụ kiện. Nhưng nói như vậy, không có nghĩa là mọi trường hợp về sau, TCPV cho ta hy vọng một diễn trình tương tự. Học thuyết về luật pháp cũng không chấp nhận nguyên tắc hiệu lực tuyệt đối của một án lệ. TCPV về sau, vẫn toàn quyền bác đơn khởi tố về hình thức, không xét đến nội dung. Áp dụng như vậy, đúng luật, vẫn mang nhiều lợi ích cho TCPV, mà một lợi ích quan trọng thấy rõ ràng là TCPV có thể tránh những khó khăn về nội dung.

Đ Trở về thủ tục kiểm pháp, cũng thấy có 2 phương cách tố cầu được dùng trong thủ tục này. Theo phương cách chính tố, đơn khởi tố có viện dẫn lý do và nộp tại Nha Tổng thư ký TCPV và theo phương cách khước biện (ở đây gọi là khước biện bất hợp pháp) thì nộp ngay tại tòa án đang thụ lý chánh vụ.

Khước biện bất hợp pháp vẫn được nêu lên trong mọi vụ kiện (hình, hộ hay HC) và bất kỳ ở giai đoạn nào của vụ án (sơ, chung thẩm, kể cả giai đoạn phá án).

Trong cả 2 thủ tục chính tố và khước biện, đương sự đều phải nộp trước một số tiền dự phạt 5000\$. Và phán quyết của TCPV tuyên phán bất hợp pháp một Sắc lệnh, Nghị định hay quyết định HC vẫn có hiệu lực cung quyết và tuyệt đối.

Đ Điểm đáng chú ý, là phán quyết này đình chỉ (trong tương lai) hiệu lực thi hành các điều khoản bị tuyên bố vi pháp, kể từ ngày đăng trên công báo VNCH, nhưng không có hiệu lực tiêu hủy (trong quá khứ), nghĩa là coi như điều khoản bất hợp pháp không có và cơ quan công quyền có nhiệm vụ tái lập tình trạng thông thường đã có nếu không vì điều khoản bất hợp pháp, tình trạng sẽ không thay đổi. Đối với TCPV, một hiệu lực như thế không được chấp nhận, sự đình chỉ hiệu lực là coi bản văn lập quy không còn trong tương lai mà thôi, các thay đổi do bản văn bị chỉ trích gây nên không được đền bồi và tái lập tình trạng cũ.

### III) NỘI DUNG CỦA TỔ TỤNG KIỂM PHÁP-BẢN CHẤT VÀ ĐẶC ĐIỂM-

1/ Nhận xét đầu tiên là phương cách chính tố xin phán



quyết tính cách bất hợp pháp của các quyết định HC trước TCPV có bản chất giống tố tụng chống thặng quyền trước Tham Chánh Viện vì cả hai đều thuộc loại tố tụng chống thặng quyền có tính cách khách quan.

Nhưng trong nội dung của tố tụng kiểm pháp, TCPV không xét đến những đơn khởi tố xin bồi thường thiệt hại dân sự mà chỉ tuyên phán về tính cách hợp pháp hay không của văn kiện lập quy bị chỉ trích mà thôi. Còn việc xin bồi thường thuộc tố tụng toàn diện tài phán của Tòa án HC hay Tham Chánh Viện.

2/ Riêng đối với phương cách khước biện trong tố tụng kiểm pháp trước TCPV, thì về bản chất, tương tự như phương cách kháng tố khước biện bất hợp pháp mà đương sự khởi tố khước biện là một tụng nhân, nêu lên trong một vụ kiện trước một tòa án Tư pháp (Hình hay Hộ) thường tụng, để đặt vấn đề tiên quyết khi tòa án thấy cần thẩm định một hành vi HC. Đây cũng là tố tụng xin thẩm định giá trị một quyết định HC.

Khi chưa có luật 007/68, ấn định tổ chức và điều hành TCPV; thì nền Tư Pháp VN đã phân chia các pháp đình HC và các tòa án Tư Pháp thành hai hệ thống khác nhau với sự phân định thẩm quyền rõ rệt.

Các tòa án Tư Pháp không có thẩm quyền phán quyết về tính cách hợp pháp hay vi pháp của các bản văn hay hành vi HC, thẩm quyền này được giao cho các pháp đình HC. Do đó, khi có một quyết định HC được nêu lên tính cách hợp pháp hay không trước các tòa án tư pháp, thì tòa này phải đình chỉ phán xử vụ kiện chính yếu (chính vụ) để chuyển đơn xin khước biện bất hợp pháp của đương tụng đó qua tòa án HC.

Đến khi có phán quyết của tòa án HC, tòa tư pháp mới tiếp tục xử lại chính vụ.

Ngày nay, hệ thống các pháp đình HC, không còn là một hệ thống riêng biệt của ngành Tư Pháp, mà trực thuộc sự quản trị của TCPV (qua Phòng HC, Ban Phá Án) và các tòa án HC cấp dưới chỉ được coi như một hình thức phân công. Do đó, khước biện bất hợp pháp chỉ được chuyển lên TCPV vì chỉ có TCPV mới độc

quyền phán quyết về pháp tính của các bản văn lập quy.

Một khác biệt nữa, là với tổ chức Tư Pháp hiện nay, phán quyết của TCPV về các đơn khởi tố chính tố hay khước biện chỉ trích sự hợp pháp của một quyết định HC có hiệu lực tuyệt đối. So với phán quyết của các tòa án HC khi xưa, thì chỉ cho thấy một hiệu lực tương đối qua việc đã phân xử mà thôi.

#### IV) NHẬN XÉT VỀ TỔ TỤNG KIỂM PHÁP-

1/ Trước hết, độc quyền của TCPV trong tổ tụng kiểm pháp mang đến lợi điểm là tránh mâu thuẫn án văn được tuyên phán giữa các pháp đình HC về việc thẩm định giá trị hợp pháp tính của các bản văn hay các hành vi HC và lập quy.

Ngày nay, TCPV đã nắm trọn thẩm quyền này, thời sự thống nhất quan điểm là việc tương đối dễ thực hiện.

Thứ đến, BCPV hẳn nhiên có uy thế cao hơn Tham Chánh Viện về tư cách độc lập đối với Hành Pháp, sẽ có thể cương quyết hơn trong việc chống thặng quyền hầu che chở, bảo vệ hữu hiệu người dân trước những lạm dụng hay vượt quyền quá đáng của nhà hữu trách qua hành vi của họ.

2/ Nhưng, tổ tụng kiểm pháp trước TCPV mang lại một hiệu lực tương đối yếu kém hơn hiệu lực trong phương cách chống thặng quyền trước các tòa án H C trước kia.

Vì rằng án văn tuyên phán bất hợp pháp của TCPV có hậu quả đình chỉ nên hiệu lực yếu kém hơn án văn trong tổ tụng chống thặng quyền; án văn này có hiệu lực tiêu hủy hay thủ tiêu.

Một quyết định bị thủ tiêu không còn tồn tại trong pháp chế nữa và hành vi bị tiêu hủy được coi như không bao giờ có. Sau khi có phán quyết tiêu hủy, chức quyền HC liên hệ phải thi hành phán quyết này; phải thực hiện ở sự thủ tiêu mọi hậu quả cần thiết; nếu sự thủ tiêu gây ra một chỗ chổng, chức quyền HC liên hệ có bổn phận tái lập tình trạng pháp lý và thực tại nếu hành vi, quyết định bị thủ tiêu không được ban bố. Sau cùng, phải điều chỉnh tình trạng phù hợp với phán quyết của Tham Chánh Viện.

Trái lại, với TCPV ngày nay, thủ tục kiểm pháp đem lại một phán quyết chỉ tuyên phán pháp tính của các pháp quy HC mà không có hiệu lực thủ tiêu pháp quy ấy. Vì thế nên phán quyết của TCPV trong tổ tụng kiểm pháp có hiệu lực yếu hơn án văn trong tổ tụng chống thặng quyền. Với phán quyết của TCPV, quyết định HC vẫn hiện hữu, nó chỉ bị đình chỉ hiệu lực thi hành trong tương lai, vì phán quyết không có tính cách hồi tố, không gây ra chỗ trống pháp lý. Nếu văn kiện bị tuyên phán là một quyết định cá nhân, tình trạng của đương sự chỉ được điều chỉnh cho phù hợp với phán quyết của TCPV và không tái lập tình trạng cũ trong khoảng thời gian trước. Đương sự không có quyền xin tái lập quyền lợi mà đáng lý ra y được hưởng nếu không có quyết định bị tuyên phán bất hợp pháp chi phối.

Với hiệu lực này, nhà chức trách thường gây thiệt hại cho người dân, vì đặt họ trước một tình trạng đã rồi, vì dù hành vi của chính quyền bị tuyên phán bất hợp pháp (mà thời gian từ khi hành vi phát khởi đến khi có phán quyết của TCPV thường mất rất lâu), thời hành vi này cũng đã đem lại cho người dân những hậu quả làm xáo trộn quyền lợi và nghĩa vụ của họ. Sự xáo trộn này không được đền bù. Như vậy đương tụng bị thiệt thòi nhiều.

Nhưng đứng trên bình diện công ích, sự đình chỉ thi hành dễ dàng thực hiện hơn sự tiêu hủy vì rất khó khăn trong việc ước lượng thiệt hại, để bồi thường cho tư nhân khi quyết định bị chỉ trích gây tổn thương quyền lợi của họ, và cũng rất khó khăn (hay không muốn nói là không tưởng) để tái lập tình trạng bình thường trước khi có quyết định bị tiêu hủy.

3/ Khoản 3 điều 81 của Hiến Pháp, dự liệu rằng TCPV sẽ họp khoáng đại toàn viện khi phải phán quyết về tính cách hợp pháp của quyết định HC, thì e rằng TCPV sẽ không thể nào có đủ thời giờ làm việc hết. Những Sắc lệnh, Nghị định và các quyết định HC (kể cả của chính quyền địa phương sẽ làm cơ quan này bị tràn ngập. Thêm vào đó TCPV liệu có đủ tất cả những yếu tố, đủ kiện địa phương để xét định một quyết định HC cấp Xã, Quận hay không?

Để giải quyết khó khăn này, giáo sư Nguyễn Văn Bông (1) khi đặt câu hỏi TCPV sẽ bị tràn ngập bởi những vụ xin xét xử các quyết định HC của mọi cấp từ Chủ tịch ủy ban HC Xã đến Tổng Thống, thì liệu TCPV với 9 thẩm phán (và sau này 15 vị) liệu có thể xét định các quyết định của:

- 2552 Xã
- 254 Quận
- 50 Tỉnh, Đô Thành và Thị Xã hay không?

Đề nghị giải pháp là cần phân định thẩm quyền của các tòa án HC, Tham Chánh Viện. Chỉ cần giao cho TCPV thẩm quyền phán quyết về các quyết định HC quan trọng, thường là của chính quyền Trung ương.

Ngoài ra giáo sư Nguyễn Quang Quỳnh (trong NCHC, tập XII, số 4, trang 49) cũng cho rằng sự tập trung tất cả thẩm quyền kiểm pháp vào TCPV sẽ có thể tránh được, nếu phân chia cho các pháp đình HC cấp dưới thẩm quyền này tùy theo mức độ quan trọng của hành vi bị chỉ trích, hoặc tùy theo cấp bậc của tác giả hành vi này. Đề nghị này, theo giáo sư, có điểm lợi là các pháp đình HC có thể phân định ngay rồi xử luôn chánh vụ, thay vì hoãn xử để đợi phán quyết của TCPV. Và nếu có những mâu thuẫn giữa các tòa án cấp dưới, vẫn còn giải pháp thống nhất là chuyển hồ sơ lên ban Phá Án (TCPV) xin phán quyết.

Tuy nhiên với các đề nghị này đều gặp một trở ngại vì cần phải tu chính điều 81 đoạn 1 của Hiến Pháp nữa (2).

Một đề nghị khác, của luật sư Trương Tiến Đạt (trong Hiến Pháp Chú Thích, trang 317), là TCPV chỉ cần họp toàn viện khi quyết định về tính cách hợp hiến của các đạo luật và về sự giải tán Chánh đảng, là 2 vấn đề quan trọng.

(1) "Luật Hiến Pháp và Chánh Trị Học", Saigon, 1971 trang 677.

(2) Điều này giao mọi thẩm quyền kiểm pháp cho TCPV.

Từ đề nghị này, chúng tôi thiết tưởng TCPV cũng chỉ nên họp toàn viện để phán xử về pháp tính của các bản văn lập quy gây nên một hậu quả chấp hành quan trọng và lớn lao. Còn đối với các hành vi khác sẽ giao cho từng thành phần bao gồm một số thẩm phán TCPV mà thôi, để xét xử.

Đối với đề nghị này, có điều lợi là vẫn còn phần nào phù hợp với điều 81, TCPV vẫn còn giữ thẩm quyền kiểm pháp.

Tuy nhiên trên thực tế, sau hơn 5 năm hoạt động, tình trạng lo lắng này vẫn chưa xảy ra, một phần do trình độ dân trí thấp kém, sự hiểu biết về luật pháp chưa phải là nhu cầu phổ quát; thêm vào đó dân ta vốn không thích dính dáng đến tòa án (vô phúc đáo tụng đình); nhất là đi kiện các cơ quan HC. Thêm vào đó, kiện cáo trước TCPV với lệ phí 5000\$, thì đối với người dân quê, quả là điều khó khăn và trở ngại, nên các vụ xin kiểm pháp tương đối ít.

4/ Một khuyết điểm khác, là 5000\$ dự phạt tuy nặng với người dân quê muốn khiếu nại trước TCPV theo phương cách chính tở, không phù hợp với chính sách mang công lý lại gần người dân; thì lại quá ít, có thể gây nhiều lạm dụng đối với những tụng nhân có gian ý, hành xử phương cách khước biện bất hợp pháp với chủ đích không cần lưu ý đến phán quyết của TCPV mà chỉ cần trì hoãn vụ kiện trước tòa án cấp dưới. Phương cách này có thể làm cho guồng máy Tư Pháp bị ứ đọng và ngưng trệ tụng nhân có thể dùng 5 00\$ để kéo dài chánh vụ ra hàng tháng có khi nhiều năm, nếu gặp phải một tụng nhân quá thâm hiểu luật lệ. Vì vậy cần quy định lại số tiền dự phạt.

## ĐOẠN II. THẨM QUYỀN PHÁ ÁN-

Thẩm quyền của TCPV trong lãnh vực phá án, hoàn toàn có tính cách tư pháp. Và TCPV là cơ quan duy nhất hành xử thẩm quyền phán quyết về các vụ thượng tố những bản án chung thẩm của mọi tòa án, không phân biệt.

Bản án của tòa cấp dưới, có thể coi như là một thứ đạo luật, tuy không có hiệu lực phổ quát, nhưng là một đạo luật cá nhân ràng buộc quyền lợi và nghĩa vụ đối với đương sự tranh

tụng. Bởi lý do, khi tuyên một bản án, thẩm phán được coi như làm ra một đạo luật. Do đó, nếu các nhà lập pháp phải căn cứ vào Hiến Pháp để soạn thảo và biểu quyết các đạo luật, thì thẩm phán khi phân xử và tuyên án cũng dựa các đạo luật để làm khuôn mẫu.

TCPV khi xét xem một bản án có vi luật hay không cũng làm một việc tương đương với thẩm quyền kiểm hiến một đạo luật. Nếu thấy một bản án vi luật TCPV sẽ phá hủy (tức là phá án) và sự phá án này chỉ căn cứ vào lý của vụ kiện chứ không vào tình.

Trước ngày 31-10-1968 (ngày thành lập TCPV), các vụ thượng tố về hình sự và hộ sự được giao cho tòa án tối cao, mệnh danh là tòa Phá án. Đây là tòa án cao nhất trong hệ thống các tòa án Tư pháp. Còn các vụ thượng tố về HC thuộc thẩm quyền Phá án của Tham Chánh Viện.

Hiện nay, tất cả những vụ thượng tố phá án được giao chuyên cho ban Phá án (TCPV), tòa Phá Án được hủy bỏ và Tham Chánh Viện chỉ đóng vai trò một tòa án xử sơ thẩm hoặc chung thẩm các vụ kiện nơi tòa án HC cấp dưới, với một thẩm quyền được thu hẹp.

Với cải tổ này, TCPV đã thực hiện một sự thống nhất và là cơ quan Tư pháp duy nhất quản trị cả 2 hệ thống tòa Tư Pháp và tòa án HC.

Tuy nhiên, về thủ tục thượng tố xin phá án, cho đến nay vẫn chưa được một đạo luật, một văn kiện pháp lý mới nào quy định. Vì vậy, trên thực tế, thủ tục thượng tố về dân sự và hình sự vẫn còn bị chi phối theo thủ tục tố tụng do nơi Dự số 5 ngày 18-10-1949 và Dự số 27 (2-9-1954) sửa đổi Dự nói trên. Riêng thủ tục thượng tố trong các vụ kiện HC vẫn còn do Dự số 38 (9-11-1954) quy định tổ chức Tham Chánh Viện, chi phối. Nghĩa là có 2 thủ tục thượng tố tùy tính chất vụ án, được thi hành trong 2 phương cách khác nhau. Chỉ có một sự thống nhất, là ngày nay, mọi thẩm quyền phá án đều giao cho TCPV, qua ban Phá án và do mọi phòng (Hình, Hộ và HC) đảm trách tùy tính chất án vẫn xin tiêu phá.

Ngoài ra, với điều 81 ghi nơi luật 007/68, một thủ tục đặc biệt được quy định, do sự phán quyết của ban Phá án với tất cả các phòng họp chung. Đây là thủ tục xử liên phòng.

I) THỦ TỤC THƯỢNG TỐ PHÁ ÁN VỀ DÂN SỰ VÀ HÌNH SỰ-

Được giao cho 2 phòng hộ vụ và hình vụ; thủ tục được áp dụng vẫn là thủ tục cũ nơi tòa Phá Án khi xưa, không có điều nào thay đổi. Vì vậy, sự khảo sát thiết tưởng không cần đề cập đến. Nhưng trong lãnh vực kiện tiêu phá các bản án chung thẩm HC, có vài sửa đổi trong thủ tục.

II) THỦ TỤC THƯỢNG TỐ TRONG VỤ KIẾN HC-

Các điều khoản do Dự số 38, ngày 9-11-1954 (tổ chức Tham Chánh Viện) không trái với điều luật tổng quát 81 luật số 007/68, vẫn còn được áp dụng. Tuy nhiên khi thi hành điều luật này chúng ta thấy có rất nhiều sự khó khăn vì Dự số 38 rất khiếm khuyết về thủ tục thượng tố (vì chỉ nhấn mạnh về thủ tục chống thặng quyền và quy định cơ cấu tổ chức, điều hành Tham Chánh Viện) nên phải căn cứ vào luật HC thể hiện qua các tiền lệ và các án lệ.

1/ Các phương cách thượng tố:

Ngày trước, những vụ kiện nào do Tham Chánh Viện xử chung thẩm hoặc vì xử lại các bản án của tòa án HC, hay vì xử sơ rồi chung thẩm ngay tại Tham Chánh Viện thì bản án kể như chung quyết. Nhưng ngày nay, với luật 007/68, các bản án chung thẩm ấy còn có thể thượng tố xin phá án lên Phòng HC, ban Phá Án (TCPV).

Riêng về lý do viện dẫn để xin phá án, cũng là những phương cách xin thủ tiêu trong tố tụng chống thặng quyền, ngoài lý do "lạm quyền" không được chấp nhận. Như vậy còn 3 phương cách xin phá án là án văn do tòa án HC hay Tham Chánh Viện xử có tính cách vô thẩm quyền vi luật về nội dung hoặc không có lý do hay lý do không xác thực. Xin ghi nhớ lý do "lạm quyền" được nêu ra trong tố tụng kiểm pháp.

2/ Thủ tục án liên phòng:

Thủ tục này chỉ áp dụng trong các vụ thượng tố về hộ sự hay hình sự (điều 81 luật 007/68), còn đối với các vụ

thượng tố về HC, không bao giờ họp liên phòng để xử. Sau khi một vụ kiện đã được xử tại một tòa án HC hay Tham Chánh Viện, được chuyển lên TCPV xin tiêu phá, TCPV (qua Phòng HC), có quyền di giao cho tòa án nguyên thẩm xử lại với một thành phần nhân sự khác và tòa án được di giao này bắt buộc phải xử theo quan điểm pháp lý của TCPV. Như thế, là khác với thủ tục trong các vụ hình và hộ, tòa án được di giao vẫn có thể chống lại quan điểm của TCPV; nhưng nếu ban Phá Án xử lại với tất cả sự hội họp của 3 phòng, thì sau khi có phán quyết (gọi án liên phòng), tòa án được di giao bắt buộc phải tuân theo quan điểm của TCPV.

3/ Tổ tụng thượng tố về HC và tổ tụng kiểm pháp:

Hai tổ tụng này dựa trên những phương chức gần giống nhau (trừ phương chức lạm quyền không dùng trong tổ tụng phá án về các vụ kiện HC) và mục tiêu tương tự là đạt đến việc phán xử các hành vi, văn kiện lập quy của chức quyền HC. Nhưng có những khác biệt căn bản sau:

☐ Tổ tụng kiểm pháp dành cho tất cả mọi người còn trong thủ tục thượng tố HC, tố quyền chỉ dành cho những tụng phương tranh chấp trong những vụ kiện HC mà thôi (kể cả tòa án xét xử).

☐ Tổ tụng kiểm pháp có mục đích tuyên phán hợp pháp tính của các bản văn lập quy (Sắc lệnh, Nghị định, các quyết định HC), trong khi tổ tụng xin phá án trong các vụ kiện HC chỉ hướng về việc xin tiêu phá một án văn chung thẩm mà thôi.

Như vậy, tổ tụng kiểm pháp có một phạm vi rộng rãi và một mục tiêu to lớn hơn tổ tụng thượng tố về HC rất nhiều.

4/ Ngoài ra, Phòng HC và các Phòng khác (Hộ và Hình), cũng xử để phân định thẩm quyền về những vụ tranh thẩm tích hay tiêu cực giữa các cơ quan tài phán HC và các cơ quan tài phán Hình, Hộ. Hiện nay, thủ tục này vẫn chưa được ấn định bởi văn kiện nào.



#### MỤC IV

### CÁC THẨM QUYỀN KHÁC CỦA TCPV

Các thẩm quyền này được nhận thấy rai rác qua Hiến Pháp và luật 007/68, có thể phân thành 2 loại chính tùy thuộc ở bản chất của nó:

- Thẩm quyền chính trị
- Thẩm quyền HC.

Tuy nhiên, sự phân chia chỉ có tính cách tương đối. Ví thí dụ với thẩm quyền giải tán Chánh đảng, trên phương diện pháp lý được gộp chung vào thẩm quyền bảo hiến do Ban Bảo Hiến (TCPV) đảm trách; nhưng trên thực tế, phán quyết giải tán một Chánh đảng, mang đến một hậu quả chính trị nhiều hơn là pháp lý (về pháp lý như cưỡng chế trên tài sản, đóng cửa các cơ quan phụ thuộc...); ảnh hưởng vào đời sống Chánh đảng của quốc gia rất nhiều và một thố dụ khác căn cứ theo đoạn 4 điều 88 (Hiến Pháp 1-4-67) TCPV có thẩm quyền kiểm kê tài sản Chủ tịch Giám Sát Viện và các giám sát viên, thời thủ tục này có tính cách vừa HC, nhưng cũng vừa có thể là một hành vi chính trị có tính cách kiểm soát, thanh tra. Chúng tôi phân loại theo sự chú trọng vào hậu quả do các hành vi phát sinh từ sự hành xử các thẩm quyền này.

#### ĐOẠN I. THẨM QUYỀN CÓ TÍNH CÁCH CHÍNH TRỊ-

##### I) QUYỀN GIẢI TÁN CHÁNH ĐẢNG-

Khi các nhà lập hiến dành quyền giải tán Chánh đảng cho TCPV, đã bị ủy ban lãnh đạo quốc gia thời đó, phản đối với lý do viện dẫn rằng, chỉ có cơ quan Hành Pháp mới có đủ yếu tố để xét định xem một Chánh đảng có đáng bị giải tán hay không. Nhưng quan điểm này đã bị đa số Dân biểu Quốc Hội Lập Hiến bác bỏ. Các nhà lập hiến chủ trương rằng nếu trao quyền giải tán Chánh đảng cho Hành Pháp, sẽ là nguy cơ cho chiều hướng hội tập Chánh đảng nhất là trong giai đoạn dân chủ tập tễnh. Vì vậy, nên giao cho cơ quan Tư Pháp tối cao (TCPV) vì rằng cơ quan này ít mang màu sắc chính trị và có tư thế tương đối độc

lập; thêm vào đó Hành Pháp có thẩm quyền với những yếu tố hội đủ, có thể gửi đến TCPV xin phán xử giải tán một Chánh đảng.

Về lý do giải tán chánh đảng và thủ tục giải tán, Hiến Pháp và luật 007/68 chỉ quy định một cách tổng quát.

1/ Lý do giải tán chánh đảng:

Ngoài 2 trường hợp tự ý giải tán (theo điều 30 luật quy chế chánh đảng ngày 19-6-1969) vì lý do có tính cách nội bộ hay không đủ điều kiện hợp thức hóa, chánh đảng còn có thể bị giải tán theo phán quyết của TCPV, với lý do quy định nơi Hiến Pháp.

Theo điều 81, khoản 2, TCPV có thẩm quyền phán quyết về việc giải tán một chánh đảng có chủ trương và hành động chống lại chính thể Cộng Hòa. Chống lại chính thể Cộng Hòa là một hành vi phản hiến vi bất tuân điều 25 của Hiến Pháp, điều này quy định mọi người dân đều có nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc và chính thể Cộng Hòa.

Thêm vào đó, điều đầu tiên của Hiến Pháp công nhận VN là một nước Cộng Hòa, độc lập, thống nhất, lãnh thổ bất khả phân.

Do những dữ kiện trên, chúng ta suy luận rằng, chống lại chính thể Cộng Hòa trước hết có nghĩa là xâm phạm hay làm nguy hại sự hiện sinh và tồn sinh của nền Cộng Hòa, thứ đến là xâm phạm đến sự toàn vẹn của lãnh thổ qua ý niệm một quốc gia đơn nhất.

Ngoài ra, với luật đối nghịch và sự quy chiếu, chúng ta nhận thấy TCPV còn có thể giải tán chánh đảng vì những lý do khác hệ suy từ những hành vi phản loạn "chánh thể Cộng Hòa". Thí dụ như: xâm phạm tự do trật tự dân chủ, chủ trương phục hồi chế độ phong kiến, quân chủ hoặc thiết lập một chế độ khác chống ngược với nền Cộng Hòa.

2/ Điều kiện thể hiện việc chống lại chánh thể Cộng Hòa:

Với lý do quy định nơi điều 81 Hiến Pháp, chánh đảng phải chống lại "chánh thể Cộng Hòa" bằng "chủ trương và hành động".

Chủ trương là mục đích mà đảng phái muốn đạt đến bằng

phương tiện tranh đấu chánh trị của mình. Chủ trương có thể minh thị ghi trong đảng qui hoặc có thể là những mục tiêu thầm kín mà đảng muốn thực hiện (dưới 2 hình thức, muốn truy tố chánh đảng phải có đủ những bằng cứ).

Qua cách hành văn của điều 81, chúng ta nhận thấy một chánh đảng chỉ mới có chủ trương nhưng chưa có hành động chống lại chánh thể Cộng Hòa thì chưa hội đủ lý do để giải tán. Nhưng trên thực tế, sự phân biệt giữa chủ trương và hành động rất khó khăn vì cả 2 có nhiều trùng dụng. Thông thường chủ trương (nếu có bằng cứ) chống lại chính thể Cộng Hòa, thì chủ trương phải có hình thức thể hiện hoặc bằng văn từ hoặc ngôn ngữ; thời sự thể hiện dưới 2 hình thức này cũng có thể coi là một hành động chống lại chánh thể Cộng Hòa.

Trong trường hợp chánh đảng hoạt động chống lại "chánh thể Cộng Hòa", sau khi đã thành lập hợp pháp, TCPV muốn giải tán chánh đảng ấy, phải minh chứng 2 điều kiện chủ trương và hành động chống lại Hiến Pháp, nền Cộng Hòa... Nếu chủ trương ghi trong đảng quy được coi là hợp pháp thì muốn sự phán quyết hội đủ 2 yếu tố, TCPV còn phải căn cứ vào chủ trương thầm kín và thực sự của chánh đảng.

### 3/ Thủ tục và hậu quả việc giải tán chánh đảng:

Trong luật 009 ngày 17-6-1969 (ấn định quy chế chánh đảng, không nói rõ cơ quan nào có quyền truy tố chánh đảng ra trước TCPV, mặc dù căn cứ vào điều 73 luật 007/68 (3-5-1968) ấn định tổ chức TCPV, đã quy định chỉ có Tổng Thống, Chủ tịch Thượng nghị viện, 1/3 tổng số nghị sĩ hay 1/3 tổng số dân biểu, có quyền yêu cầu TCPV phán quyết giải tán một chánh đảng có chủ trương và hành động chống lại chánh thể Cộng Hòa.

Thủ tục khởi tố được áp dụng tương tự như trong hạm quyền xin giải thích Hiến Pháp, cũng được miễn nạp tiền dự phạt.

Sau khi nhận được văn thư yêu cầu này, TCPV phải làm thủ tục thông báo cho chánh đảng bị đơn biết để xin tham khảo hồ sơ, đệ nạp biện minh trạng và cử đại diện trình bày lý lẽ trong phiên xử công khai của Đại hội đồng TCPV.

Trong phiên xử này, đại diện của Lập Pháp và Hành Pháp

có quyền tham dự để trình bày quan điểm của mình.

✪ Muốn giải tán một chính đảng, TCPV phải hội đủ 3/4 tổng số thẩm phán TCPV tại chức.

Phán quyết giải tán có hiệu lực kể từ ngày tuyên phán, chính đảng phải đình chỉ hoạt động và giải tán. Tất cả những tổ chức trực thuộc cũng bị một hậu quả tương tự (như cơ sở kinh tài, báo chí... mang danh hiệu đảng) và trong phán quyết này TCPV còn có thẩm quyền truyền sung tài sản của chính đảng bị giải tán vào công quỹ quốc gia.

#### 4/ Nhận xét:

Thẩm quyền giải tán của TCPV chỉ đặt ra đối với chính đảng được hợp thức hóa, nhưng với thủ tục giải tán trước TCPV rất khó đạt 3/4 tức số thẩm phán để phán quyết có giá trị. Cho nên, trong thực tế, việc kiểm s. át chính đảng đã nằm phần lớn trong tay bộ Nội Vụ qua sự giải thích quy chế chính đảng quá chặt hẹp khi ấn định những thủ tục để áp dụng luật quy chế chính đảng này (1).

Thí dụ như quy chế chính đảng có ràng buộc chính đảng thông báo cho Bộ Nội Vụ về việc hợp thức hóa, cũng như những thau đổi của ban chấp hành Tỉnh, Thị bộ hay ban chấp hành Trung ương, nhưng nhà làm luật thiếu sót không ấn định thể thức của sự thông báo này. Vì vậy bộ Nội Vụ bắt buộc các chính đảng nộp quyển danh sách đảng viên để kiểm soát. Hành vi này của Bộ đã vi phạm điều 17 của quy chế chính đảng, cho phép chính đảng có quyền giữ bí mật hay công bố quyển sổ này, trừ khi có phán quyết của tòa án.

Chúng tôi nhận định, trong việc hợp thức hóa một chính đảng, luật nên được tu sửa theo đường lối chỉ dành quyền thị xét sổ danh sách đảng viên cho TCPV hay các tòa án cấp dưới được TCPV chỉ định (trong trường hợp ở địa phương). Sau đó, TCPV sẽ xác định sự hợp thức của quyển sổ này bằng một văn

---

(1) Luận văn "Quy Chế Chính Đảng và Đối Lập Chính Trị" - Lê Phước Ninh trang 56.

thư gửi qua bộ Nội Vụ. Như thế, sẽ tôn trọng tinh thần luật quy định về Chánh đảng.

Đ. Một nhận xét nữa, là luật hiện hành chưa đặt vấn đề giải quyết tình trạng của một đảng viên đặc cử một chức vụ dân tuyến (từ Xã cho đến Tổng Thống) khi chánh đảng này bị giải tán bởi phán quyết của TCPV. Sự giải tán chánh đảng có làm "mất ghế" của đảng viên này hay không?

Nếu chánh đảng bị giải tán có hành vi chống lại chánh thể và đảng viên khi hoạt động tại cơ quan dân cử, theo đường lối chủ trương của đảng mình, thời hẳn nhiên hành vi của đảng viên này phạm pháp, phương hại đến luật pháp, an ninh quốc gia... Như vậy, nên dùng những phương thức hiến định trừ liệu thủ tục truất quyền để áp dụng vào đảng viên.

## II) QUYỀN CHỈ ĐỊNH MỘT SỐ GIÁM SÁT VIÊN-

Theo điều 90 của Hiến Pháp, Giám Sát Viện gồm có từ 9 đến 18 Giám sát viên, trong đó mỗi 1/3 thành phần giám sát viên sẽ do Quốc Hội, Tổng Thống hoặc TCPV chỉ định.

Và theo luật số 009/68 (điều 3), thành phần của Giám Sát Viện được ấn định với một con số nhất định là 18 giám sát viên. Như thế TCPV được quyền chỉ định 6 giám sát viên trong một phiên họp của đại hội đồng (TCPV) và sự chỉ định này được Tổng Thống xác nhận trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn thư của TCPV.

Theo giám sát viên Phạm đình Hưng, thể thức chỉ định các vị Giám sát, ấn định nơi điều 90 của Hiến Pháp, là phản ảnh ý chí của các nhà lập hiến muốn duy trì thế quân bình giữa các cơ quan Lập Pháp, Hành Pháp và Tư Pháp; qua sự đại diện đồng đều của 3 cơ quan này trong Giám Sát Viện, đồng thời cũng tạo lập một sự hợp tác chặt chẽ giữa Lập Pháp, Hành Pháp và Tư Pháp trong công cuộc bài trừ tham nhũng.

Với quyền chỉ định, TCPV cũng có quyền bãi nhiệm các Giám sát viên do mình chỉ định vì lý do bất lực trong công vụ hoặc liên can trực tiếp hay gián tiếp với các hành vi tham nhũng qua bất kỳ hình thức nào.

### III) QUYỀN THAM DỰ TỔ CHỨC CÁC CUỘC BẦU CỬ-

Trong cuộc bầu cử Dân biểu Hạ nghị viện và Nghị sĩ Thượng nghị viện, TCPV đóng vai trò một tòa án trung ương xử chung thẩm những vụ kiện cáo, chỉ trích về sự thiếu thành thật của cuộc bầu cử cùng mọi khiếu nại khác.

Với cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống, TCPV còn giữ một vai trò hết sức quan trọng. Theo điều 2 luật 007/68 ngày 3-9-1969, TCPV có thẩm quyền lập danh sách ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống cùng kiểm soát tính cách hợp thức của cuộc bầu cử và tuyên bố kết quả. Qua thực tế, đối với cuộc bầu cử Tổng Thống vừa qua, luật 009/71 (23-6-1971) quy định thể thức bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống, cho ta thấy vai tuồng của TCPV như sau:

#### I) GIAI ĐOẠN TIỀN BẦU CỬ-

TCPV có nhiệm vụ:

- Nhận đơn và hồ sơ ứng cử.
- Xét định tính cách hợp lệ của các hồ sơ này.
- Niêm yết danh sách các liên danh ứng cử lần thứ nhất (24 giờ sau khi hết hạn nộp hồ sơ).
- Giải quyết các đơn khiếu nại về tư cách ứng cử viên. Niêm yết danh sách lần thứ 2.

#### II) GIAI ĐOẠN VẬN ĐỘNG TRANH CỬ-

TCPV giữ một vai trò trung lập, tiêu cực và nếu trong trường hợp chỉ có 2 liên danh ứng cử, Chủ tịch TCPV sẽ chỉ định một Thẩm phán đồng tòa làm trưởng ban vận động tranh cử.

#### III) GIAI ĐOẠN HẬU BẦU CỬ-

☐ TCPV được giao phó nhiệm vụ tổng kết tạm thời với vai trò mang nhiều tính cách HC.

☐ Kiểm soát tính cách hợp thức của cuộc bầu cử và tuyên bố kết quả. Hợp thức không phải chỉ là hình thức bề ngoài, nó bao gồm luôn mọi lãnh vực hình thức và nội dung (régulier et

convenable) bao gồm 2 khía cạnh tinh thần và vật chất. Cho nên sự hợp hiến và hợp pháp chỉ là một khía cạnh của sự hợp thức. Phải hiểu là một hành vi hợp thức đương nhiên là hợp hiến và hợp pháp. Nhưng ngược lại không phải cứ hợp hiến và hợp pháp đã là hợp thức.

Giải quyết các đơn khởi tố khiếu nại về tính cách của cuộc bầu cử. Nếu có sự sai lạc, TCPV sẽ tuyên bố hủy bỏ cuộc bầu cử.

## ĐOẠN II. THẨM QUYỀN HÀNH CHÍNH-

### I) QUYỀN QUẢN TRỊ NỘI BỘ VÀ QUYỀN LẬP QUY QUẢN TRỊ NGÀNH TƯ PHÁP-

Hầu tạo một tư thế độc lập cho quyền Tư Pháp, Kiến Pháp dành cho TCPV quyền lập quy để quản trị nội bộ và có ngân sách do chính mình sử dụng. (Theo nội quy của TCPV ngày 21-12-1968, một vài thí dụ về thẩm quyền này như:

- Văn phòng TCPV có quyền biểu quyết về những chi tiêu từ 50001\$ đến 100.000\$.
- Chủ Tịch TCPV là chuẩn chi viên ngân sách tự trị của TCPV; duyệt ký trong phạm vi quyền hạn do nội quy ấn định như các Sắc lệnh và Nghị định thăng thưởng liên quan đến việc quản trị ngành Tư Pháp, các văn kiện bổ nhiệm, thăng thưởng...)

Ngân sách của TCPV là ngân sách tự trị, nhưng không phải là ngân sách tự túc, nghĩa là các khoản chi vẫn phải do ngân sách quốc gia đài thọ qua ngân khố trung ương và các khoản thu do TCPV và các cơ quan trực thuộc như tiền dự phạt bị tịch thu, các án phí tụng lệ đều phải nộp vào ngân khố.

1/ Quyền quản trị nội bộ bao gồm việc bầu cử Chủ Tịch TCPV và nhân viên khác của văn phòng, theo điều 55 nội quy TCPV, quy định hàng năm Đại hội đồng TCPV lập bảng phân phối các chức vụ tại các ban (Bảo Hiến và Pháp Án) và Phòng giữa các Thẩm phán TCPV. Thẩm phán TCPV có thể kiêm nhiệm nhiều chức vụ tại các Ban và Phòng này; nếu sự đảm nhiệm các chức vụ bị

ngăn trở hay vắng mặt, Đại hội đồng sẽ chỉ định người thay thế.

Chủ tịch TCPV được bầu như sau: ứng cử viên nào được số phiếu quá bán tổng số Thẩm phán TCPV tại chức sẽ đắc cử. Nếu không đạt được, 2 ứng cử viên nhiều phiếu nhất sẽ vào vòng nhì. Nếu ở vòng nhì này cũng không có được đa số phiếu quá bán, thì bầu lại lần thứ ba. Lần này ứng cử viên nào được đa số tương đối sẽ đắc cử.

Riêng các nhân viên khác được bầu từng người theo từng chức vụ với đa số tương đối.

2/ Về vị thứ, Chủ tịch và các Phó chủ tịch TCPV được coi ngang hàng với Chủ tịch và Phó chủ tịch Quốc Hội.

Các Chánh Thẩm đảm nhiệm các Phòng trong Ban Phá án có thứ vị tương đương các Chủ Tịch ủy ban tại Quốc Hội.

Tuy nhiên, qua luật đối chiếu, chúng ta nhận thấy trong hầu hết các quốc gia trên thế giới, thực tế quyền Tư Pháp luôn luôn được coi là quyền thứ yếu so với Lập Pháp và Hành Pháp vì Tư Pháp chỉ nhận một sự ủy quyền gián tiếp qua trung gian của Lập Pháp và Hành Pháp.

Trên danh sách của thứ tự các nhà lãnh đạo quốc gia Chủ Tịch TCPV (hay vị đứng đầu cơ quan ngành Tư Pháp) luôn luôn được xếp đứng sau các vị đại diện Hành Pháp và Lập Pháp. Thí dụ như ở Pháp với Sắc lệnh số 58-1167 ngày 2-12-1958, Chánh Nhất tòa Phá Án (Thẩm phán cao cấp nhất) đứng hàng thứ 11 sau Tổng Thống, Thủ Tướng, Chủ Tịch Thượng, Hạ Nghị viện, các Bộ Trưởng, Chủ Tịch Viện Bảo Hiến, Chủ tịch các hội đồng...

3/ Việc trao quyền tự quản trị cho TCPV, đã được nhiều nước áp dụng. Như ở Argentine, TCPV có quyền tự quản nội bộ, có ngân sách riêng, quyền đối với nhân viên trực thuộc, quyền kiểm soát các tòa án... Điều 97 Hiến Pháp Ba Tây, điều 77 Hiến Pháp Nhật Bản, điều 86 Hiến Pháp Chí Lợi, điều 156 Hiến Pháp Costa Rica... cũng dự liệu quyền quản trị nội bộ của TCPV.

4/ Riêng về quyền quản trị ngành Tư Pháp, trong nội quy của TCPV, chúng ta nhận thấy:

- Thẩm phán TCPV có nhiệm vụ thanh tra các tòa án.



- Thiết lập các bản văn lập quy liên quan đến việc quản trị này.
- Quản trị ngành thẩm phán xử án, các tòa án và nhân viên trực thuộc.

## II) QUYỀN KIỂM KÊ TÀI SẢN GIÁM SÁT VIỆN-

Thẩm quyền kiểm kê tài sản là nhiệm vụ của Giám Sát Viện đối với các nhân viên thuộc cơ quan công quyền, kể cả Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Thủ Tướng, Nghị Sĩ, Dân Biểu và Chủ Tịch TCPV.

Riêng đối với Chủ Tịch Giám Sát Viện và các Giám sát viên việc kiểm kê tài sản các vị này được trao TCPV để có kết quả khả quan hơn trong việc kiểm kê. Vì đối với tài sản rất khó mà tự kiểm để cho người khác biết.

Việc kiểm kê tài sản chỉ có tính cách HC, kết quả của các việc kiểm kê này không mang lại một hình ảnh hay hậu quả pháp lý nào, ngoài việc thi hành đúng thủ tục hiến định. Theo khoản 2 điều 89 (1) của Hiến Pháp chúng ta có thể suy luận, TCPV cũng có quyền công bố kết quả các cuộc kiểm kê tài sản này. Khi thảo luận về điều khoản này, các nhà lập hiến đã chấp nhận biện pháp công bố kết quả kiểm kê tài sản của tất cả mọi viên chức công quyền. Ý muốn của nhà lập hiến là khi công bố như vậy, người dân nếu có thấy thiếu sót, sẽ tố cáo thêm những động sản hay bất động sản của viên chức đó không ghi đến, để bổ túc.

TCPV giao nhiệm vụ này cho Đại hội đồng.

---

(1) Giám Sát Viện có quyền công bố kết quả cuộc điều tra.

## Chương ba

# Hoạt động của Tối Cao Pháp Viện

Trong khuôn khổ hạn hẹp của luận văn, chúng tôi chỉ xin nhấn mạnh đến các hoạt động thiết yếu của TCPV trong sinh hoạt của cộng đồng quốc gia, cùng trình bày và phê phán một số vụ án quan trọng, mà tính cách quan trọng của các vụ kiện này có thể hình thành những án lệ trở nên các tiền lệ đặc biệt cho sinh hoạt chính trị và đời sống pháp lý của quốc gia Việt Nam, một quốc gia đang tập đòi khuôn cách dân chủ, hầu tìm hiểu những thành công và thất bại, cùng những khó khăn, nghi nan của cơ quan hiến định tối cao ngành Tư Pháp trong tiến trình xây dựng nền dân chủ pháp trị. Chúng tôi xin khảo sát đến những điểm nghiên cứu sau:

- Hoạt động của TCPV trong cộng đồng chính trị quốc gia.
- TCPV và sự cải thiện ngành Tư Pháp.

### MỤC I

#### HOẠT ĐỘNG CỦA TCPV TRONG CỘNG ĐỒNG QUỐC GIA

Hoạt động của TCPV được thể hiện qua các mối tương quan với các cơ quan công quyền hiến định khác. Những tương quan này chỉ được trình bày sơ lược về phương diện pháp lý và được chú trọng bằng những hoạt động thể hiện qua các vụ án quan trọng.

#### ĐOẠN I TCPV VÀ HÀNH PHÁP-

Điều 55 Hiến Pháp đệ II CH bắt buộc, khi nhậm chức

Tổng Thống phải tuyên thệ "bảo vệ tổ quốc, tôn trọng Hiến Pháp" với sự chứng kiến của TCPV.

Vị nguyên thủ lãnh đạo Hành Pháp, được Hiến Pháp dự liệu cho nhiều phương tiện để thi hành nhiệm vụ và trọng trách của mình trước quốc dân với tinh thần và hoài bão tôn trọng Hiến Pháp.

Do sự ám ảnh của chế độ đệ I CH, các nhà lập hiến đã trù liệu nhiều biện pháp kiểm soát sự trọng hiến và trọng pháp của Tổng Thống và các chức quyền khác của ngành Hành Pháp.

Vấn đề được đặt ra là giao cho cơ quan nào kiểm soát các hành vi của Hành pháp. Hiến Pháp đã trù liệu ngoài những phương tiện kiểm soát của Quốc Hội (như: bác bỏ lời yêu cầu phúc nghị một dự luật của Tổng Thống, biểu quyết một đạo luật hủy bỏ văn kiện bất hợp hiến hay bất hợp pháp của Tổng Thống hoặc khuyến cáo chính phủ về các hành vi vi hiến hoặc vi pháp...), còn trao cho TCPV các hành vi bảo vệ Hiến Pháp, giải quyết những tranh chấp giữa Hành Pháp và Lập Pháp, hoặc phán quyết các bất tương đồng giữa 2 quyền này.

Các nhà lập hiến 1967 đã chủ trương dùng TCPV kiểm soát hiến tính của các đạo luật và các quyết định HC với quan niệm rằng khi hành xử quyền này, TCPV cũng chỉ hành động trên nguyên tắc kiểm soát mà thôi (1). Như vậy không thể coi là có sự xâm phạm nguyên tắc phân quyền và đặt cho TCPV một vai trò siêu cơ quan trên cả Hành Pháp và Lập Pháp. Vì rằng TCPV đại diện cho ngành Tư Pháp, do ở bản chất và nhiệm vụ bất kỳ ở quốc gia nào cũng là ngành ít nguy hiểm đến các quyền tự do chính trị, căn bản của công dân vì quyền này ít khả năng ngăn cản hay xâm phạm đến các quyền đó.

Vả lại, khi phán xử, TCPV chỉ phải căn cứ trên Hiến Pháp và hệ thống luật pháp quốc gia, chứ không phải trên các hành vi của Hành Pháp.

---

(1) Theo biên bản QH Lập Hiến ngày 01-03-67. Số 79 trang 6.

Tóm lại, không nên quá lo sợ đến sự vượt quyền của TCPV mà chỉ sợ rằng Hành Pháp với quá nhiều phương tiện, có thể sử dụng những ảnh hưởng quyền hành, những áp lực của các lực lượng chính trị để tạo sức ép nặng nề đối với các phán quyết. Trên thực tế, có những phán quyết hoặc những giải thích Hiến Pháp của TCPV mà Hành Pháp không chấp hành do sự vô tình hay cố ý (điển hình là vụ án Trần ngọc Châu).

So sánh mối tương quan giữa Hành Pháp (mà đại diện là Tổng Thống) và TCPV trong lịch sử chính trị Hoa Kỳ, cũng nhận thấy nhiều trường hợp mà Hành Pháp gây nhiều ảnh hưởng bằng các hình thái áp lực đối với TCPV.

Như năm 1936, với sự ủng hộ mạnh mẽ của dân chúng, ngay khi bắt đầu nhiệm kỳ thứ 2, Tổng Thống Roosevelt liền chuẩn bị một cuộc tranh đấu để chống lại TCPV Hoa Kỳ. Lúc bấy giờ, TCPV gồm nhiều vị Chánh án có quan điểm cho rằng nhiều điều khoản trong "chính sách mới" (New Deal) - mà Tổng Thống Roosevelt ban hành nhằm mục tiêu cải cách kinh tế và xã hội - là bất hợp hiến. Muốn cho TCPV thay đổi thành kiến, Tổng Thống Roosevelt đề nghị là các chánh án nên về hưu khi tới 70 tuổi và nếu đã 70 tuổi mà không về hưu thì Tổng Thống sẽ có quyền bổ nhậm thêm một vị Chánh án, cho tới khi tổng số Chánh án lên tới 15 vị mới thôi.

Dư luận khắp, g bằng lòng ủng hộ đề nghị này và nhiều người e ngại là hệ thống quyền Lập Pháp, Hành Pháp và Tư Pháp cân đối với nhau và kiểm soát lẫn nhau sẽ vì đề nghị này, nếu thực hiện, làm tổn hại và mất thăng bằng. Tuy vậy, trong cuộc tranh đấu này, Tổng Thống Roosevelt vẫn là người đắc thắng, dù đề nghị trên không được thi hành; và từ đó trở đi TCPV đã xét xử nhiều vụ án và phán quyết theo tinh thần thích hợp với "chính sách mới" vì e ngại những công kích, chỉ trích vào TCPV của Tổng Thống, nếu vẫn bảo thủ những tiên kiến (1)

---

(1) Phỏng theo "A Brief History of The United States", Franklin Escher Jr.

Trở về VN, trong một vài trường hợp, việc hành xử quyền bảo hiến, chính trị và tư pháp, TCPV cũng đã biểu lộ được sự độc lập và uy thế của mình đối với Hành Pháp. Các trường hợp này được chứng minh bằng các phán quyết quan trọng của TCPV qua những năm chấp chứng của nhiệm kỳ đầu (1968-1974), điển hình là vụ án Trần ngọc Châu (1) và vụ thuế Kiệm ước (2).

Tuy nhiên vì tình trạng sơ trí nói chung của nền dân chủ, và một vài khiếm khuyết của thủ tục kiểm soát sự tôn trọng Hiến Pháp của Hành Pháp trước TCPV (tương tự như thủ tục kiểm hiến, giải thích Hiến Pháp và kiểm pháp...), cho nên hiệu lực của sự kiểm soát này không hoàn toàn hữu hiệu, vì những nguyên nhân sau:

1/ Mối tương quan giữa TCPV và Hành Pháp, thực ra tùy thuộc lớn lao vào mối tương quan giữa Hành Pháp và Quốc Hội.

Hành Pháp có thể ảnh hưởng đến sự tuyển chọn của Quốc Hội do khối dân biểu và nghị sĩ thân Hành Pháp nên các ứng tuyển viên thẩm phán TCPV phải tìm sự ủng hộ của Hành Pháp (3).

2/ Dù vị thế độc lập, TCPV khi phán xử cũng không tránh khỏi những quan niệm chủ quan của Thẩm phán và do đó sự phán quyết nô lệ không ít thì nhiều vào chính kiến của những vị thẩm phán này.

3/ Thủ tục tố tụng trước TCPV gây khó khăn cho tư nhân(4) việc kiểm soát vì đó có tính cách lẻ tẻ, trong khi những hành vi lập quy của Hành Pháp là những hành vi thường xuyên, liên tục và rất nhiều.

---

(1) Phán quyết 5-5-70 vụ số 2/70 - TCPV/BH

(2) Phán quyết cùng ngày vụ số 35/69 - TCPV/BH

(3) Cấp Tiến nguyệt san - Số 37 - Trang 79 (Tương quan giữa các cơ quan công quyền trong chế độ độ II CH - Phạm đình Hùng.)

(4) Xem lại phần phê bình thủ tục kiểm pháp

4/ Phần quyết của TCPV, thông thường chỉ có hiệu lực đình chỉ mà không bổ khuyết văn kiện lập quy của Tổng Thống (và các thuộc chức), nên TCPV không thể đề nghị một sự sửa đổi, tu chính nào.

5/ Theo Hiến Pháp, Tổng Thống, ngoài 2 trường hợp được ký Sắc luật, chỉ có thể thực hiện quyền lập quy dưới 2 hình thức: tự khởi và chuyển hóa (hay lệ thuộc). Tuy nhiên đối với sự kiểm soát của TCPV, Hành Pháp có thể đưa ra các phương cách thụ động, không hành xử quyền lập quy của mình để hoàn thành những nhiệm vụ cần thiết. Đối với những trường hợp này TCPV không có thẩm quyền, vì hành vi chưa phát khởi.

Đ Trong một vài khu vực đặc biệt, Hành Pháp cũng hành xử những quyền có "tính cách Tư Pháp" hay xâm phạm vào lãnh vực ngành Tư Pháp của TCPV.

a) Quyền ân xá của Tổng Thống:

Điều 61, khoản 2 Hiến Pháp đệ II CH ấn định cho Tổng Thống được quyền ân xá và ân giảm hình phạt các phạm nhân (quyền ân xá của Tổng Thống khác với quyền đại xá của Quốc Hội bằng một đạo luật). Đây là di tích tốt đẹp còn sót lại của chế độ quân quyền; nhà vua nắm cả 3 quyền, có quyền xét xử hay khoan hồng thần dân.

Quyền này có tính cách Tư Pháp, nhưng chỉ được hành xử khi cơ quan Tư Pháp hết thẩm quyền vì đã thụ lý xong và xét xử chung quyết. Khi đó phần quyết của TCPV hay các tòa án đã trở thành nhất định và có uy lực quyết tụng, tòa án không thể tái thẩm dù có sự ngộ phán.

Do đó, đôi khi, quyền ân xá của Tổng Thống là một hình thức can thiệp để làm dịu bớt tính cách nghiêm khắc quá đáng của hình phạt. Nhưng thông thường "quyền Tư Pháp" này của Tổng Thống mang nhiều sắc thái chính trị hơn, thể hiện trong những dịp thánh lễ quan trọng.

b) Gần đây nhất, với sự ủy quyền của Quốc Hội, Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu có ban hành, Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu có ban hành Sắc luật 013/72 ngày 6-9-1972, tái lập tòa án Quân sự mặt trận, mà trong đó có quy định những điều

khoản xâm phạm đến quyền tự quản ngành Tư Pháp của TCPV. Đại khái như:

- TCPV bổ nhiệm Chánh thẩm quân sự vào tòa án Mặt Trận phải dựa theo danh sách các Chánh thẩm do Quân khu quản hạt đề nghị.
- Trước tòa án Quân sự mặt trận, đương sự có quyền xử dụng khước biện bất hợp pháp và Sắc luật quy định thời gian bố buộc TCPV phải xét xử trong vòng 15 ngày.

☐ Tóm lại, ngày nay hầu như quốc gia nào trên thế giới cũng đều công nhận quyền lập quy cho vị nguyên thủ Hành Pháp. Do đó sự thành công hay thất bại của hoài vọng tôn trọng và bảo vệ Hiến Pháp tùy thuộc vào sự thực hiện hay không, thiện chí dân chủ của vị nguyên thủ này. Thêm vào đó những biện pháp kiểm soát không được chặt chẽ, hay bất thành hiệu thì vị này có rất nhiều cơ hội lạm dụng quyền lập quy của mình để xâm phạm đến thẩm quyền của các cơ chế hiến định khác.

## ĐOẠN II. TCPV VÀ QUỐC HỘI-

Chiếu nguyên tắc phân nhiệm mà Hiến Pháp công nhận nơi điều 3, mỗi cơ chế có nhiệm vụ được giao phó riêng biệt. Tuy nhiên để có sự hòa hợp hầu thực hiện "trật tự xã hội và thịnh vượng chung", TCPV vẫn có thẩm quyền kiểm soát các hành vi lập pháp của Quốc Hội và ngay đến cả bản nội quy của mỗi viện Quốc Hội. Nhiều quốc gia còn cho kiểm soát hiến tính các dự luật như Pháp, Syric, Sénégal... Dưới thời đệ IV CH Pháp, mỗi khi một đạo luật được biểu quyết xong tại Quốc Hội, lập tức được chuyển qua Ủy ban Bảo hiến (comité constitutionnel) để xét xem có hợp Hiến Pháp hay không.

Nếu ủy ban xét là vi hiến thì sẽ chuyển lên Tổng Thống và vị này đưa lại cho Quốc Hội thảo luận. Quốc Hội có thể hủy bỏ, nhưng cứ nhất định giữ lại đạo luật thì Hiến Pháp phải được sửa đổi cho phù hợp. Như vậy ta thấy quan điểm của ủy ban bảo hiến này nhiều khi có ảnh hưởng mạnh mẽ và đôi khi đưa đến tu chính Hiến Pháp.

Dưới thời đệ V Cộng Hòa, quyền này bị giảm bớt và lúc bấy giờ hội đồng Bảo hiến (conseil constitutionnel) chỉ còn quyền được tham khảo ý kiến đối với dự luật và nếu Tổng Thống chấp nhận sẽ đình chỉ hay cho ban hành dự luật này.

Dù rằng, tương quan này giữa cơ quan Bảo hiến và Quốc Hội có điều bất tiện, là cơ quan bảo hiến thường chú trọng đến khía cạnh chính trị và tính cách hợp thời của đạo luật nên ít khi quan tâm đến phương diện pháp lý; mà mỗi thành phần của cơ quan này thường khác nhau về chính kiến, khó lòng đạt đến sự nhất trí. Nhưng cũng có ưu điểm là giải pháp này không khư khư ôm lấy Hiến Pháp, chấp nhận những sự đổi thay mới, hoàn cảnh xã hội tạo nên để sẵn sàng dọn đường cho một sự sửa đổi Hiến Pháp hầu thích nghi với hoàn cảnh tiến hóa mới.

Tại VN, TCPV không được giao giữ thẩm quyền này vì ý chí của các nhà Lập hiến luôn luôn bị bao trùm bởi những bất ổn mà hậu quả là hỗn loạn hay độc tài. Do đó đối với Quốc Hội, TCPV chỉ có quyền hành xử sự kiểm soát hiến tính của đạo luật đã thành luật và chấp hành. Thêm vào đó, quyền này chỉ phát khởi khi có sự khởi tố, chỉ trích từ nơi khác gửi đến mà thôi. TCPV không thể tự mình phán đoán các đạo luật do Quốc Hội làm ra và nếu không hội đủ những điều kiện về thủ tục, TCPV không có quyền xâm phạm đến lãnh vực làm luật của Quốc Hội.

M Tuy nhiên, TCPV cũng có thể ảnh hưởng đến sự điều hành của Quốc Hội mượn viện, như trong phán quyết ngày 6-12-1968 giải thích điều 39 khoản 3 Hiến Pháp đã bắt buộc phải có sự họp chung của Thượng và Hạ nghị viện để phê chuẩn việc đề cử phái đoàn tham dự hội nghị về hòa bình VN tại Paris.

Chánh phủ VNCH chấp nhận tham dự hòa đàm Ba Lê. Và theo Hiến Pháp (điều 39 khoản 3), phái đoàn tham dự phải có sự chấp thuận của Quốc Hội. Nhưng Hiến Pháp không nói rõ cách thức họp chung hay họp riêng từng viện của Quốc Hội. Bởi thế Quốc Hội nhờ đến TCPV yêu cầu phán quyết giải thích vấn đề này.

Theo phán quyết, Quốc Hội cần họp chung 2 Viện để thảo luận việc chấp thuận hay không cho chính phủ gửi phái đoàn tham dự hòa đàm Ba Lê.



Quan điểm của TCPV là dựa vào Hiến Pháp không nói rõ hình thức họp của Quốc Hội để quyết định việc tuyên chiến hay nghị hòa, nên chỉ Jối với việc nghị hòa là việc quan trọng cần phải họp chung 2 viện để phản ánh ý chí của toàn dân.

Phán quyết này đã gây nhiều sôi nổi bàn cãi một thời. Có người cho rằng phán quyết đã vi phạm Hiến Pháp và nhầm lẫn. Theo tác giả này, Quốc Hội chỉ họp chung 2 Viện trong các trường hợp hiến định sau:

- Để tu chính Hiến Pháp (đ.104)
- Để phúc nghị một dự luật theo lời yêu cầu của Tổng Thống (đ.45 kh.2)
- Đề nghị Tổng Thống đọc thông điệp (theo tập tục xã giao thường thấy tại các quốc gia).

Còn kỳ dự các trường hợp thông lệ, phải theo sinh hoạt riêng của mỗi viện. Nếu không, mỗi khi có việc, cứ viện dẫn lý do quan trọng để họp chung, hóa ra chế độ lưỡng viện trở nên vô ích và mâu thuẫn.

Vả lại không phải họp chung hẳn là phương cách phản ánh cái ý chí của toàn dân. Theo thủ tục thông thường, như khi làm luật, Hạ nghị viện biểu quyết đạo luật chấp thuận cho chính phủ dự hòa đàm Ba Lê rồi gửi lên Thượng nghị viện... tất nhiên cũng phản ánh ý chí của toàn dân mà lại họp hiến hơn.

Tuy nhiên với ý kiến này, cần mất nhiều thời gian, không đối phó cấp thời với thực trạng. Vả lại, việc nghị hòa không cần thể hiện bằng một đạo luật. Thêm vào đó, có nhiều điều khoản quy định quyền hạn của Quốc Hội mà không nói rõ cách thức họp.

Thí dụ như khoản 1 điều 42 ấn định Quốc Hội có quyền khuyến cáo thay thế từng phần hay toàn thể chính phủ với đa số 2/3 tổng số dân biểu và nghị sĩ.

Rồi đoạn 3 viết tiếp: "trong trường hợp Tổng Thống khước từ khuyến cáo, Quốc Hội có quyền chung quyết sự khuyến cáo với đa số 3/4 tổng số Dân biểu và Nghị sĩ".

Như vậy, muốn khuyến cáo hay chung quyết sự khuyến cáo

này với đa số 2/3 rồi 3/4 tổng số Dân biểu và Nghị sĩ, tất nhiên 2 viện phải họp chung. Như vậy, với phán quyết ngày 6-12-1968 trên đây, TCPV đã không dựa vào nguyên tắc chính đảng mà dựa trên sự giải thích rộng rãi và trên quan điểm hữu dụng của vấn đề: là sự lợi ích của quốc gia, dân tộc, là sự khát khao hòa bình.

Đ Thêm vào đó TCPV cũng còn có thẩm quyền kiểm soát tính cách công bằng, trong sạch và hợp pháp của các cuộc bầu cử vào Quốc Hội và chế tài các vi phạm. Suy luận cho thấy bản án tòa vô hiệu hóa sự đắc cử của một ứng viên Dân biểu hay Nghị sĩ một liên danh Thượng nghị viện sẽ ảnh hưởng đến quyết định hợp thức hóa của Hạ nghị viện và Thượng nghị viện. Và dù được hợp thức hóa, thời tư cách của Dân biểu và địa vị của liên danh đắc cử Thượng nghị viện bị sự chú trọng phê phán của dân chúng.

Đ Ngược lại, Quốc Hội có thẩm quyền tiên khởi lớn lao đối với TCPV, ảnh hưởng mạnh mẽ đối với cơ quan này khi Quốc Hội xử dụng quyền tuyển chọn thẩm phán TCPV cùng quyền đề nghị và quyết định khởi tố ra Đặc biệt pháp viện để truất quyền các Thẩm phán TCPV trong các trường hợp can tội phản quốc và các trọng tội khác. Song song với quyền này, Quốc Hội có quyền chỉ định 5 Nghị sĩ và 5 Dân biểu giữ chức hội thẩm Đặc biệt pháp viện. Nếu Chủ tịch TCPV là bị can, thời ghế Chánh Thẩm được giao cho Chủ Tịch Quốc Hội, tức Chủ tịch Thượng nghị viện (1).

Các quyền hiến định này đủ chứng tỏ uy thế của Lập pháp đối với Tư pháp. Đôi khi Thẩm phán TCPV hành xử quyền phán quyết có thể dễ dãi chấp nhận quan điểm của Lập pháp để lấy lòng cho cuộc bầu cử nhiệm kỳ tới.

### ĐOẠN III. TCPV ĐỐI VỚI NHỮNG TRANH CHẤP GIỮA HÀNH PHÁP VÀ LẬP PHÁP-

---

(1) theo các điều 85 86 và 87 của Hiến Pháp.

Tương quan cũng rõ giữa TCPV với Hành Pháp hoặc Lập Pháp thường rất ít nhận thấy một cách đơn thuần và nếu có chỉ được thấy ghi trong Hiến Pháp. Trên thực tế khi có một sự yêu cầu TCPV giải thích Hiến Pháp, thời thường có sự tranh chấp hoặc bất đồng quan điểm giữa Hành Pháp và Lập Pháp. Vì chỉ có Tổng Thống, Quốc Hội hay một phần Quốc Hội mới có quyền yêu cầu TCPV giải thích Hiến Pháp do đó nếu Tổng Thống dùng quyền này chả lẽ để yêu cầu phán quyết giải thích những hành vi của mình hay sao?

Chúng ta đã trình bày và nhận định phần lý thuyết về thẩm quyền giải thích Hiến Pháp thuộc nhiệm vụ bảo hiến của TCPV trước những tranh chấp giữa Hành Pháp và Lập Pháp. Nên nơi đoạn này, chúng tôi xin trình bày và nhận xét một vụ án điển hình để hiểu rõ hơn tầm quan trọng của vai trò TCPV trong các tranh chấp giữa 2 cơ chế cao cấp của quốc gia.

1/ Phán quyết ngày 31-01-1969 công nhận quyền yêu cầu phúc nghị của Tổng Thống đối với Luật Ngân sách.

a) Sự kiện:

Ngày 13 tháng 1-1969 có 22 Nghị sĩ trình bày trong một văn thư gửi lên TCPV rằng ngày 9-1-69 Tổng Thống VNCH có gửi thông điệp yêu cầu Quốc Hội phúc nghị dự luật ngân sách chung quyết ngày 6-1-69, nhưng theo quan điểm của các Nghị sĩ này, thông điệp yêu cầu phúc nghị bất khả chấp thuận vì luật Ngân sách là luật đặc biệt được Hiến Pháp trong một điều khoản riêng (điều 46) chỉ dự liệu trường hợp bất đồng ý kiến giữa Thượng và Hạ nghị viện nhưng không dành cho Tổng Thống quyền yêu cầu phúc nghị. Do đó các Nghị Sĩ yêu cầu TCPV giải thích Hiến Pháp về điểm sau đây:

"Chiếu Hiến Pháp, Tổng Thống có quyền yêu cầu Quốc Hội phúc nghị dự luật Ngân sách hay không?"

b) Phán quyết của TCPV:

"Chiếu các điều 43, 44, 45 và 46 của Hiến Pháp, Tổng Thống có quyền yêu cầu Quốc Hội phúc nghị dự luật Ngân sách tự ý đối với một hay nhiều Chương, Mục ngân sách thuộc

thành phần của h. pháp và chỉ theo sự yêu cầu của các quyền độc lập khác đối với chương mục ngân sách thuộc các quyền ấy" (có nghĩa là chỉ có lập pháp mới có quyền yêu cầu thay đổi ngân sách dành cho Lập Pháp, hay khi dự luật được Quốc Hội chấp thuận TCPV có thể dùng văn thư gửi Tổng Thống nhờ dùng quyền yêu cầu Quốc Hội phúc nghị những khoản ngân sách liên quan đến chương mục dành cho TCPV).

Cơ Nhận định:

Phán quyết này công nhận quyền yêu cầu phúc nghị của Tổng Thống đối với dự luật ngân sách, dựa trên những lập luận sau:

- Theo sự phân nhiệm và phần quyền của ba cơ quan Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp.

- Sự im lặng của điều 46 Hiến pháp không thể đồng hóa với sự loại bỏ quyền yêu cầu Quốc Hội phúc nghị của Tổng Thống đối với dự luật ngân sách (vì lẽ luật không nói đến là không cấm đoán). Và lại luật ngân sách mặc dù có những khác biệt với luật thông thường như về sáng kiến lập pháp (dự thảo luật ngân sách chỉ do Hành pháp làm và chuyển đến Quốc Hội), thời hạn đệ nạp (trước ngày 30.9), thủ tục thảo luận và thời gian biểu quyết; nó cũng chỉ có hiệu lực một năm (khác với luật thường); nhưng có thể bao gồm nhiều chương trình, chính sách của Quốc gia, tạo ảnh hưởng lâu dài đến quyền lợi của công dân, do đó cần có sự cộng tác giữa các quyền từ giai đoạn khởi thảo đến lúc ban hành.

- Điều 46 đoạn 1 Hiến Pháp dành cho Tổng Thống sáng quyền dự thảo toàn bộ ngân sách, như vậy Tổng Thống cũng có quyền tự ý yêu cầu phúc nghị đối với những sự thay đổi do Quốc Hội biểu quyết vào phần ngân sách của Hành pháp và không có quyền này đối với ngân sách của Lập pháp cũng như Tư pháp để tránh sự lấn quyền. Nhưng TCPV không hành xử được quyền yêu cầu Quốc Hội phúc nghị, vì vậy TCPV sẽ nhờ đến Hành pháp gửi thông điệp yêu cầu Quốc Hội phúc nghị đối với ngân sách của TCPV.

Điểm 22 của 22 nghị sĩ, phủ nhận quyền yêu cầu phúc nghị này của Tổng Thống, đã viện dẫn lý do rằng luật ngân sách không tạo ra một trách vụ pháp lý nào đối với dân chúng. Những trách

vụ nộp thuế, để tạo thành những khoản thu, không bắt nguồn từ chính bản văn luật ngân sách mà bắt nguồn từ những đạo luật về thuế khóa riêng biệt. Và lại còn những khác biệt về hình thức thủ tục thảo luận và biểu quyết một luật ngân sách, nên luật ngân sách khác với đạo luật thường.

Để phán định những lý do này, chúng ta cần nhận định về trào lưu tiến trình dân chủ và ổn định cơ cấu. Kể từ thế kỷ thứ 20, quan niệm dân chủ không còn đặt trên nền tảng bất can thiệp nữa mà dựa vào nguyên tắc phối hợp và điều hòa. Các quốc gia dân chủ bắt buộc phải có những chính phủ mạnh và hữu hiệu, do đó xu hướng tăng cường quyền lực cho hành pháp xuất hiện mọi nơi. Sự kiểm soát và kiềm chế hành pháp để tránh sự lạm quyền, vượt quyền hay lấn quyền vẫn được xem là cần thiết. Nhưng nếu sự kiểm soát này có tính cách quá máy móc, tin điều và bó buộc, nhất là cản trở sự tiến bộ, hữu hiệu của các hành vi của hành pháp đều dần dần bị giảm thiểu tối đa.

Ngày xưa, quốc gia không thể "một ngày không vua", thời ngày nay, chính phủ không thể một ngày không có ngân sách. Vì chính qua ngân sách được thiết lập, chính quyền mới có thể thực hiện được những chính sách, kế hoạch cải tạo xã hội, đem thịnh vượng an lành cho quốc dân được.

Song song với việc nói rộng quyền hành pháp, các nhà lập hiến các quốc gia đã thiết lập nhiều hình thức kiểm soát hành pháp (tăng quyền cho Quốc Hội, thiết lập các định chế kiểm soát, các hình thức bảo vệ Hiến Pháp của các ủy ban, hội đồng Bảo Hiến, các TCPV...) . Nhưng về ngân sách, các nhà lập Hiến đã dành những điều khoản riêng biệt và thường giống nhau.

Tóm lại, TCPV với phán quyết này đã giải thích Hiến Pháp theo chiều hướng thuận lợi cho Hành Pháp. Làm như vậy, TCPV không phải thuận theo hành vi của Hành Pháp mà là sự giải thích phù hợp với tinh thần của Hiến Pháp 1967. Theo luật sư Trương tiến Đạt, nguyên Tổng thư ký Quốc Hội Lập Hiến (1966-1967), bản chất cho thấy, ngân sách không hẳn là một đạo luật như các đạo luật thông thường. Tuy nhiên, nó cũng được coi là một dự luật và sau khi ban hành là một đạo luật. Thủ tục mà Quốc Hội phải thi hành cũng là thủ tục thông thường khi làm ra đạo luật khác (1).

---

(1) Hiến Pháp Chú Thích, trang 225 - Trương-tiến-Dạt.

2/ Phán quyết của TCPV về vụ thuế Kiệm ước:

Việc ban hành Nghị định liên Bộ Tài Chánh và Kinh Tế số 1569-BTC-BKT/NĐ/LB ngày 23-10-1969 sửa đổi thuế suất Kiệm ước đã gặp nhiều phản ứng mạnh mẽ trong ngành Lập Pháp. Vấn đề được đặt ra trước TCPV với lập trường của Hành Pháp là cho rằng Nghị định 1569 đã được liên Bộ ban hành chiếu theo Sắc luật 26/61 (29-12-61) lúc bấy giờ vẫn còn hiệu lực, thiết lập thuế Kiệm ước và điều 4 của Sắc luật này ủy quyền cho Tổng Trưởng Tài Chánh và Kinh Tế sửa đổi thuế suất Kiệm ước.

Về phía Lập pháp, nhiều vị Nghị sĩ và Dân biểu đã cho rằng Sắc luật 26/61 có tính cách vi hiến và vô hiệu lực vì đã bị Ước Pháp tạm thời ngày 19-6-65 hủy bỏ. Thêm vào đó, một vài vị cũng chủ trương rằng quyền đánh thuế thuộc về Lập Pháp.

Ngày 19-11-1969, TCPV đã tuyên phán bất hợp pháp với những hậu quả luật định Nghị định 1569.

Phán quyết được hình thành qua nhiều giai đoạn phức tạp và mang nặng màu sắc pháp lý. Có lẽ do ảnh hưởng vào khả năng của hầu hết các Thẩm phán TCPV. Họ là những "chuyên viên" Tư Pháp, nên khía cạnh "đúng hay không đúng luật" quan trọng hơn "hợp thời" hay "không hợp thời". Đồng thời, dù phán quyết tuyên phán bất hợp pháp Nghị định nhưng sự áp dụng về bên Hành Pháp vẫn duy trì. Nó nói lên một uy thế cô đơn của TCPV với một quyền lực được hành xử trên giấy tờ và một sức mạnh của Hành Pháp.

Riêng về thủ tục, có một sự tránh né của TCPV, lý do vẫn là "pháp lý". Trước hết, do văn thư đề ngày 5-11-1969, Thượng nghị viện đã yêu cầu TCPV phán quyết theo thủ tục khẩn cấp về sự vi hiến và vi pháp Nghị định trên.

Tuy nhiên, Hiến Pháp và luật số 7/68 (3-9-68), không có điều khoản minh thị cho Quốc Hội quyền yêu cầu TCPV phán quyết một hành vi lập quy theo thủ tục chính tố. Vì rằng Quốc Hội không phải là một thể nhân và cũng không là một pháp nhân.

Do đó, TCPV đã hướng vấn đề sang hình thức một vụ "đối tụng" giữa Thượng nghị viện và 2 Bộ Kinh Tế và Tài Chánh. Việc này trái ngược với quan điểm của Thượng nghị viện cho

nên TNV không chấp nhận thủ tục của TCPV yêu cầu đòi bên xuất đình, và để chấm dứt vụ kiện, ngày 12-12-69, TCPV đã tuyên phán văn thư ngày 5-11-1969 của TNV được xem như không có theo hiện trạng hồ sơ.

Với sự tránh né này của TCPV, Nghị sĩ Nguyễn Văn Chúc đã lấy tư cách một công dân đệ nạp đơn khởi tố Bộ Kinh Tế và Tài Chánh. Kết quả là TCPV chấp nhận với phán quyết tuyên bố Nghị định 1569 bất hợp pháp (ngày 5-5-1970).

Phán quyết của TCPV về vụ này còn cho thấy một vị thế mập mờ của Quốc Hội trong việc hành xử thẩm quyền hiến định của mình. Tại sao Quốc Hội không dùng thủ tục Lập Pháp để bãi bỏ Nghị định nhằm phục vụ trực tiếp quyền lợi của người dân. Và người ta có quyền nghi ngờ Quốc Hội đã dùng thủ tục yêu cầu TCPV phán xử để tránh một sự khó khăn có thể xảy ra là Quốc Hội không hội đủ đa số hoàn thành đạo luật mới hoặc để chống lại sự yêu cầu phúc nghị của Hành Pháp. Đây là tình trạng phân tranh quyền lực quốc nội giữa các cơ chế hiến định, thường xảy ra tại các quốc gia có nền dân chủ yếu kém. Nơi đó là một hình ảnh mảnh lỵ của Hành Pháp, sự yếu thế của thiểu số Quốc Hội và sự "đưa đò" của cơ quan TCPV.

#### ĐOẠN IV. TCPV VÀ GIÁM SÁT VIỆN-

Ngoài những tương quan có tính cách pháp lý do Hiến Pháp quy định như:

- TCPV có quyền chỉ định 1/3 tổng số Giám sát viên.
- TCPV kiểm kê tài sản Chủ tịch và các Giám sát viên.

còn các vấn đề thực tế sau hơn 5 năm thi hành Hiến Pháp, được đặt ra giữa TCPV và GSV vẫn chưa được giải quyết và phải cần đến những giải đáp hay bổ túc trong tương lai.

1/ Trước hết TCPV có thẩm quyền kiểm hiến và kiểm pháp các quyết định chế tài của GSV hay không? Nói khác có thể coi những quyết định này là những văn kiện lập quy và là những quyết định HC không.

2/ Nếu quyết định của Hội đồng Giám Sát Viện bị hà ti về hình thức hoặc vô thẩm quyền về nội dung, đương can có quyền thượng tố lên TCPV xin tiêu phá hay không?

Đó là 2 vấn đề chính yếu mà Giám sát viên Phạm đình Hùng thường đặt ra (tạp san Nghiên Cứu HC số 1/72 trang 131 và Nguyệt San Cấp Tiến số 37 trang 85).

Cũng theo ông, các quyết định ban hành trong phạm vi hành xử quyền giám sát của Giám Sát Viện, chiếu theo điều 81 của Hiến Pháp vẫn phải đặt trong sự kiểm hiến và kiểm pháp của TCPV vì có như vậy thì việc hành xử quyền giám sát sẽ không biến thành một siêu quyền, đưa tới những vụ tham nhũng và lạm quyền.

Do đó, cần phải tu chính Hiến Pháp xác định rõ ràng TCPV có thẩm quyền kiểm soát hiến tính và pháp tính các hành vi của Giám sát viên dưới bất kỳ hình thức hành xử quyền hạn nào và bất kỳ giai đoạn nào. Vấn đề này tùy thuộc vào sáng quyền lập pháp của Quốc Hội và Hành Pháp cùng sự quan tâm của các Giám sát viên hầu đáp ứng nhu cầu bài trừ tham nhũng cùng mọi hành vi hối mại quyền thế gây phương hại đến quyền lợi riêng và chung.

3/ Vấn đề thứ ba được đặt ra, là khi Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu giao trách cho Phó Tổng Thống Trần văn Hương quyền hạn bài trừ tham nhũng trong các cơ quan công quyền, xí nghiệp quốc doanh và công ty hợp doanh trực thuộc Hành Pháp thời quyền hạn này có được coi là một hành vi xâm phạm (hay lấn quyền) đối với quyền hiến định của Giám Sát Viện hay không? Nếu có sự yêu cầu giải thích, TCPV sẽ phải phán quyết ra sao?

Theo chúng tôi, TCPV có thể chấp nhận quyền hạn này của Phó Tổng Thống, vì coi đó như là quyền kiểm soát có tính cách nội bộ của Hành Pháp do Tổng Thống ủy nhiệm. Với quyền lãnh đạo Hành Pháp, đương nhiên Tổng Thống có quyền kiểm soát lề lối làm việc và tác phong của nhân viên, công chức và nói chung là các thuộc chức.

Tuy nhiên, để quyền hạn và nhiệm vụ được giao phó cho



Phó Tổng Thống được hoàn tất tốt đẹp, lẽ dĩ nhiên cần đến sự cộng tác mật thiết với Giám Sát Viện trong tinh thần sự phân quyền và phân nhiệm được phối hợp, điều hòa.

4/ Sau cùng, một viên chức bị Giám Sát Viện điều tra, thi hành các quyết định chế tài, thời có quyền xử dụng khước biện bất hợp pháp khởi tố lên TCPV hay không?

Nếu chấp nhận quyền xử dụng khước biện này, thời GSV được coi như một tòa án cấp dưới. Còn nếu không, ai sẽ phán xử hành vi bất hợp pháp của GSV ?

Theo hiến nghị, chúng ta chỉ nên chấp nhận cho TCPV phán xử các quyết định của GSV về phương diện hình thức, nghĩa là quyết định này hợp hiến và hợp pháp hay không; chứ không xét xử đến nội dung của quyết định ( chế tài nặng, nhẹ có chính đáng hay không...)

oOo

## MỤC II

### TỐI CAO PHÁP VIỆN VÀ SỰ CẢI TỔ NGÀNH TƯ PHÁP

Để thẩm định có sự cải tổ hay không trong ngành tư pháp, chúng tôi thiết tưởng cần phải trình bày sơ lược chế độ tư pháp trước và sau khi có cơ chế TCPV, tức là trước và sau Hiến Pháp Đệ Nhị Cộng Hòa (1.4.1967)

#### ĐOẠN I. CHẾ ĐỘ TƯ PHÁP TRƯỚC NGÀY 1.4.1967

##### I) VAI TRÒ CỦA BỘ TƯ PHÁP

Chế độ tư pháp cũ của nước ta phỏng theo chế độ tư pháp của Pháp-La Tinh.

Theo chế độ này, ngành tư pháp Việt Nam trước khi có TCPV, phần lớn do Bộ Tư Pháp, một Bộ của Hành Pháp chỉ huy. Bộ Tư Pháp quản trị hai ngành thẩm phán:

- Ngành xử án
- Ngành công tố

Tuy nhiên chỉ có ngành thẩm phán công tố chịu trực tiếp

sự chỉ huy của Bộ Tư Pháp. Còn ngành thẩm phán xử án được độc lập trong việc phán xử. Tổng Trưởng Tư Pháp không có quyền ra chỉ thị buộc thẩm phán phải xử theo quan điểm của mình.

Bộ Tư Pháp kiểm soát ngành Thẩm phán xử án theo luật Tố tụng, cùng chỉ huy trực tiếp Công tố viện gồm các vị Chương lý tòa Thượng thẩm và biện lý tòa Sơ thẩm. Bộ Tư Pháp kiểm soát thường xuyên công việc các tòa án qua Viện Chương Lý và Biện lý cuộc.

Tại Bộ Tư Pháp có 2 Nha chuyên môn: Nha Hộ vụ và Nha Hình vụ, đóng vai trò nghiên cứu các phức trình của viện Chương Lý để xem luật pháp có được áp dụng đúng đắn không? Nếu thấy có sự sơ xuất, ông Tổng Trưởng sẽ chỉ thị Ông Chương lý và Biện lý kháng cáo những vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, hoặc thượng tố lên tòa Phá Án ở giai đoạn thượng thẩm.

Bộ Tư Pháp có thẩm quyền trình Thượng hội đồng Thẩm phán nhận xét của mình về hành vi một thẩm phán để hội đồng này quyết định xem thẩm phán đó có phạm lỗi hay không, và đề nghị biện pháp thích nghi. Tổng Trưởng có quyền yêu cầu tái xét, nhưng sau đó phải khuất phục trước Thượng hội đồng Thẩm phán.

## II) CÁC ĐẶC ĐIỂM KHÁC-

1/ Với chế độ Tư Pháp này, mặc dù trên nguyên tắc có 2 loại Thẩm phán: xử án và công tố nhưng trong thực tế 2 loại chỉ là một.

Khi xưa, một Thẩm phán được bổ nhiệm làm Chánh án hay biện lý mà không cần có sự phân biệt, nghĩa là không bao giờ đặt vấn đề chuyển Thẩm phán từ ngành xử án sang ngành Công tố hay ngược lại. Sự chuyển ngành đó xảy ra tự nhiên. Trường hợp điển hình là tại các tòa Hòa Giải Rộng Quyền mà một Thẩm phán vừa ở ngành xử án vừa ở ngành công tố (Chánh án kiêm luôn Biện Lý).

2/ Trước khi có Hiến Pháp 1-4-67, về vấn đề phân nhiệm, các Thẩm phán được chia làm 2 loại: Tư Pháp và Hành Chánh:

- Các Thẩm phán Tư Pháp được bổ nhiệm tại các cơ quan tài phán Hình và Hộ sự.

- Các Thẩm phán Hành Chánh được xếp vào một ngạch riêng, chuyên xử các vụ kiện HC theo quan điểm, thẩm phán HC, ngoài căn bản luật học còn phải có những kinh nghiệm về HC, quen thuộc với hoạt động HC.

3/ Về hệ thống các pháp đình, tổ chức Tư Pháp VN phỏng theo tổ chức Tư Pháp của Pháp thiết lập.

Từ năm 1949, có các tòa án HC và ở trên có tòa án tối cao HC thuộc ban HC của TCPV. Ban này được xếp ngang hàng với ban Phá Án về tư pháp cũng trực thuộc TCPV.

Đến năm 1953, TCPV cũ bị bãi bỏ, VN thời ấy có 2 hệ thống pháp đình:

- Hệ thống pháp đình Tư Pháp đặt dưới quyền tòa Phá Án gồm các cơ quan tài phán các cấp (Hòa Giải, Sơ Thẩm, Thượng Thẩm) xử về Hộ và Hình.
- Hệ thống pháp đình HC gồm các tòa án HC cấp dưới và trên là Tham Chánh Viện có thẩm quyền quản hạt bao trùm toàn lãnh thổ.

Về thẩm quyền phân xử, các tòa án HC chuyên xử sơ và chung thẩm những vụ kiện có tính cách bồi thường hay liên quan đến thuế trực thu và xử một vài liên quan đến biện sự thủ tiêu quyết định HC bất hợp pháp (các vụ kiện xin tiêu hủy một quyết định cá nhân liên quan đến những công chức được bổ nhiệm bằng Nghị định Tổng Trưởng hay bằng quyết định Tỉnh Trưởng, các công chức hạng B, C, D), các vụ tranh tụng liên quan đến việc tuyển cử hàng Tỉnh, Quận, Xã khi có đơn khiếu nại về thủ tục, tổ chức cũng như kết quả.

Riêng về Tham Chánh Viện, theo chế độ cũ này, có 3 nhiệm vụ chính:

- Xử chung thẩm các bản án do tòa án HC xử sơ thẩm.
- Xử phá án các bản án do tòa án HC đã xử chung thẩm.
- Xử thủ tiêu quyết định HC bất hợp pháp (với biện sự chống thặng quyền).

Ngoài ra còn có các nhiệm vụ:

- Xử sơ và chung thẩm những vụ kiện xin thủ tiêu (toàn diện Tài Sản) các quyết định do Sắc lệnh của Quốc Trưởng (về sau là Tổng Thống) hay Nghị định Tổng Trưởng bổ nhiệm các công chức cao cấp hạng A.

Các pháp đình HC tuy có từ 1949 nhưng hoạt động vẫn còn yếu ớt vì định chế tài phán HC còn xa lạ và nhiều khi người dân chưa hiểu mình có thể kiện Chính phủ.

4/ Năm 1960, luật 7/60 ngày 23-12-1960, thiết lập một Viện Bảo Hiến, thẩm quyền hạn hẹp, mang nhiều màu sắc chính trị hơn, vì ngoài những nhiệm vụ xử án còn có nhiệm vụ tư vấn, giúp đỡ Hành Pháp và Lập Pháp, để 2 cơ chế này tôn trọng Hiến Pháp. Viện Bảo Hiến chưa xây dựng một án lệ nào đáng kể.

#### ĐOẠN II) SỰ CẢI THIÊN CHẾ ĐỘ TƯ PHÁP VỚI TCPV-(theo Hiến Pháp 1-4-1967).

Với Hiến Pháp 1-4-67 và qua luật 007/68 ngày 3-9-68, Viện Bảo Hiến bị bãi bỏ, (thật ra đã hủy bỏ sau 1-11-1963). Còn tòa Phá Án bị đình chỉ hoạt động, sát nhập vào TCPV dưới hình thức ban Phá Án có thẩm quyền rộng rãi hơn.

1/ Với Hiến Pháp 1-4-67, Tư Pháp là một quyền và được trao cho TCPV. Do đó các tòa án ngày nay sẽ trực thuộc TCPV, chứ không còn chịu sự kiểm soát của Bộ Tư Pháp nữa.

Tuy nhiên chỉ có thẩm phán xử án là chịu sự thống thuộc của TCPV, Bộ Tư Pháp vẫn còn kiểm soát ngành Công tố, theo dõi sự áp dụng luật pháp để bảo vệ trật tự công cộng.

Khi các nhà lập hiến thảo luận về tổ chức Tư Pháp đã có một số chủ trương chỉ nên có một ngạch thẩm phán xử án duy nhất, gọi là thẩm phán Tư Pháp và các vị này có thể được chỉ định để xử về Hộ, Hình và HC.

Hiện nay, Thẩm phán xử án vẫn chưa có một đạo luật mới chi phối. Và TCPV quản trị thẩm phán xử án vẫn duy trì 2 ngành cũ. Sự quản trị này bao gồm việc tuyển bổ, thăng thưởng và thuyên chuyển.

2/ Với đạo luật 007/68, TCPV được tổ chức và dưới chế

độ này, ngành Tư Pháp về phương diện tổ chức tài phán chỉ có một hệ thống duy nhất do TCPV đóng vai trò tòa án tối cao.

Đ Về pháp đình Tư Pháp, các tòa án sơ và thượng thẩm vẫn còn được duy trì với sự kiểm soát của TCPV qua ban Phá án (Phòng Hình và Hộ vụ).

Các tòa án Sơ thẩm có đầy đủ 2 thành phần thẩm phán xử án và công tố. Do đó, tòa Hòa Giải Rộng Quyền bị bãi bỏ (bởi đạo luật 008/71 ngày 15.6.1971)

Đ Về hệ thống pháp đình Hành Chánh, Tham Chánh Viện và các Tòa Án Hành Chánh vẫn còn được duy trì nhưng thẩm quyền bị sửa đổi đại khái như:

-Tòa Án Hành Chánh chỉ còn thẩm quyền thường tụng để xử về biện sự toàn diện tài phán.

-Tham Chánh Viện mất đi các thẩm quyền xử phá án và xử tiêu hủy các quyết định HC; chỉ còn hành xử việc xét xử chung thẩm các vụ án do Tòa Án HC đã xử sơ thẩm.

Nghĩa là nếu so sánh với pháp đình Tư Pháp, Tham Chánh Viện và tòa án HC gần giống như tòa Thượng thẩm và tòa Sơ thẩm.

Riêng Phòng HC (Ban Phá Án) TCPV, xử phá án các bản án do Tham Chánh Viện đã xử chung thẩm.

3/ Các tòa án phải do một đạo luật thiết lập, nghĩa là cấm chỉ Hành Pháp hay Tư Pháp lập một loại tòa án, nhưng được quyền thiết lập một loại tòa án đã có tại địa phương.

Hiến Pháp 1-4-67(điều 77) và luật 007/68 không chấp nhận một tòa án đặc biệt với thành phần các thẩm phán không chuyên nghiệp. Cơ quan Hành Pháp không thể tự ý lập ra một tòa án và phong cho bất cứ người nào làm Chánh thẩm hay Ủy viên công tố. Tuy nhiên, không phải là không có các tòa án đặc biệt (như tòa án Lao Động, Quân Sự Mặt Trận), miễn là những tòa án này do một đạo luật thiết lập và do các thẩm phán TCPV phán xử.

Gần đây, với Sắc luật 013/72 (6-9-1972), Hành Pháp tái lập tòa án Quân Sự Mặt Trận. Có thể coi đó là sự lấn quyền

vào ngành Tư Pháp.

Nhưng trong pháp lý, nếu đã chấp thuận sự ủy quyền của Quốc Hội cho Tổng Thống, thì Sắc luật có giá trị như một đạo Luật, có quyền thiết lập một loại tòa án. Chỉ mong rằng, hậu quả của sự ủy quyền, là cấp thời tái lập tình trạng ổn cố do chiến tranh gây ra, hơn là sự sử dụng quyền này để thay đổi cơ chế Quốc Gia.

oOo

Chúng ta giả thử, nếu vấn đề tòa án mặt trận được nêu lên trước TCPV, thì TCPV có thể phán quyết chấp nhận sự tái lập của tòa án này vì hậu quả của "Luật Ủy Quyền" cho phép nhưng hủy bỏ sự lấn quyền của Hành Pháp với hành vi được thể hiện trong Sắc luật này, như TCPV phải lựa chọn Chánh thẩm trong một danh sách Thẩm phán do vùng chiến thuật chỉ định.

### MỤC III

#### TCPV VÀ KHOẢN 7 ĐIỀU 10 (LUẬT BẦU CỬ TỔNG THỐNG 1971)

Cuộc bầu cử Tổng-Thống vào tháng 10/1971 đã biến thành độc cử mà nguyên nhân pháp lý là khoản 7 điều 10 luật 9/71 quy định thể thức bầu cử Tổng-Thống gây ra, tạo cho lịch sử luật học và thế giới một đặc điểm có lẽ chưa bao giờ gây nhiều bàn cãi sôi nổi. Thêm vào đó, sự vi hiến hay không của cuộc bầu cử Tổng Thống tùy thuộc vào tính cách của khoản 7 điều 10. Phán quyết của TCPV xét xử hợp hiến điều khoản này cũng như đã tạo cho một sự hợp thức cuộc bầu cử. Vì vậy, nói một cách không quá đáng, khảo sát cuộc độc cử 3-10-1971 là chỉ khảo sát khoản 7 điều 10.

#### ĐOẠN I. CÁC ĐƠN KHỞI TỐ-

Luật 009/71 ngày 23-6-1971, nơi điều 10 khoản 7, quy định thể thức bầu cử Tổng Thống, đặt điều kiện ứng cử viên phải được sự giới thiệu hoặc của 40 Nghị sĩ, Dân biểu hoặc của 100 Nghị viên các hội đồng Đô, Tỉnh, Thị Xã. Điều khoản gây nhiều bàn cãi, tranh luận trên nhiều bình diện: pháp lý, chính trị và đôi khi cả luân lý nữa.

Bốn công dân Nguyễn Trân, Trần công Quốc, Cao thế Dung và Lương văn Thọ đã khởi đơn chánh tố xin TCPV tuyên phán điều khoản trên là vi hiến.

Chúng tôi xin sơ lược trích dẫn các lý do mà nguyên đơn viện dẫn, trừ đơn kiện của ông Lương văn Thọ (vì sự luận quán của văn từ, sự hiểu biết về pháp luật sơ giản).

#### I) ĐƠN KHỞI TỐ CỦA NGUYỄN TRÂN (24-6-1971)-

Trong đơn thỉnh cầu TCPV xuất trát đòi quốc gia VN đến xử khoản 7 điều 10 luật 009/71 vi hiến, ông Nguyễn Trân đã viện dẫn các lý do theo đó điều 10 khoản 7 viện dẫn vì:

1/ Vi phạm điều 2 khoản 2 Hiến Pháp 1-4-1967 ấn định nguyên tắc bình đẳng giữa các công dân.

2/ Vi phạm điều 13 khoản 2 Hiến Pháp, theo đó quyền bầu cử chỉ có thể bị giới hạn bởi lý do trật tự công cộng, nhưng sự giới thiệu của khoản 7 điều 10 không là một giới hạn có tính cách trật tự công cộng.

3/ Vi phạm điều 39, 40, 41, 42 và các điều kế tiếp cho đến điều 49 Hiến Pháp, chỉ cho phép những vị dân cử hành xử quyền hành do nhân dân ủy nhiệm mà thôi, Hiến Pháp không có điều khoản nào cho phép Nghị sĩ, Dân biểu được quyền giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống.

4/ Vi phạm điều 70 Hiến Pháp, không cho phép các Nghị viên quyền giới thiệu trên. Các hội đồng Đô Tỉnh Thị Xã chỉ có nhiệm vụ "điều hành nền HC địa phương".

5/ Vi phạm tinh thần rộng rãi của Hiến Pháp 1-4-67 về điều kiện ứng cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống; Theo biên bản số 070, Quốc Hội lập hiến (18-2-67) đã biểu quyết bãi bỏ khoản

5 điều 52 dự thảo Hiến Pháp buộc ứng cử viên Tổng Thống phải được sự giới thiệu của "10 Dân biểu, Nghị sĩ hoặc một chánh đảng", để cho "dễ dàng trong việc ứng cử".

II) ĐƠN KHỞI TỐ CỦA ÔNG TRẦN CÔNG QUỐC- (24-6-71)

Nguyên đơn đã viện dẫn những chứng cứ mà theo đó khoản 7 điều 10 vi hiến vì:

1- Vi phạm điều 52 khoản 1 Hiến Pháp vì cử tri toàn quốc không thể trực tiếp bầu Tổng Thống vì ứng cử viên qua một vòng tiên khởi mà cử tri đoàn là các Nghị Sĩ, Dân biểu hoặc Nghị viên.

2/ Vi phạm tinh thần Hiến Pháp và ý chí nhà lập hiến 1967, (tương tự như sự viển dẫn số 5 của ông Nguyễn Trân), thêm vào đó Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia (đương kim Tổng Thống) đã gửi thông điệp (số 3/LĐQG/TĐ ngày 26-5-67) đến Quốc Hội Lập Hiến để phản đối sự giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống trong dự thảo Hiến Pháp.

III) ĐƠN KHỞI TỐ CỦA ÔNG CAO THẾ DUNG-(23-7-71)

Những lý do được viện dẫn tương tự như trong các đơn khởi tố trên về các điểm mà khoản 7 điều 10 vi hiến vì:

- Vi phạm điều 2 khoản 2, điều 13 khoản 2 của Hiến Pháp.
- Vi phạm tinh thần các nhà Lập Hiến 1967.

ĐOẠN II. CÁC LÝ DO BÊN VỰC CỦA VIỆN CHUÔNG LÝ VÀ HÀNH PHÁP-

I) KẾT LUẬN TRẠNG CỦA VIỆN CHUÔNG LÝ BÊN CẠNH TCPV-

Chúng tôi xin tóm các điểm chính yếu sau đây:

1/ Điều 10 khoản 7 không vi phạm sự bình đẳng giữa các công dân vì người nào ra ứng cử Tổng Thống cũng phải chịu sự chi phối của điều khoản này một cách đồng đều. Đối chiếu với luật số 62 (6-11-1962), điều 3 cũng buộc ứng cử viên Tổng Thống Pháp phải có sự giới thiệu của 100 công dân, Dân biểu Quốc Hội hay hội viên hội đồng Kinh Tế Xã Hội hoặc các Nghị viên.



2/ Điều kiện giới thiệu có tính cách trật tự công cộng hay không tùy quan điểm của mỗi người. Kết luận trạng đã trích dẫn ý kiến của Nghị sĩ Trần Văn Quát, là điều khoản luật này giúp chúng ta mau tiến tới chế độ Lương Đẳng hiến định và ngăn chặn Cộng Sản nằm vùng ra tranh cử.

3/ Các Nghị sĩ và Dân biểu giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống với tư cách là nhân sĩ nhiều hơn là tư cách chức vụ.

4/ Hiến Pháp không cấm Nghị viên giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống.

5/ Số 200 Nghị sĩ và Dân biểu cùng hơn 500 Nghị viên có thể đưa đến 9 liên danh đủ điều kiện ứng cử, không dễ dàng có sự độc quyền.

6/ Hiến Pháp phải được giải thích theo hiện trạng của quốc gia, chứ không theo tình trạng quốc gia khi Hiến Pháp được thành lập.

## II) KHÁNG BIỆN LUẬN CỦA PHỤ TÁ LUẬT PHÁP TẠI PHỦ TỔNG THỐNG-

Trong kháng biện luận này, ông Phụ Tá Luật Pháp đã đưa ra các lý do sau, mà theo đó khoản 7 điều 10 không vi hiến:

1/ Luật không cấm đoán thì có thể làm được, Hiến Pháp không ghi nguyên tắc giới thiệu, không có nghĩa là luật bầu cử không được đặt điều kiện ứng cử.

2/ Không vi phạm nguyên tắc bầu cử trực tiếp nơi điều 52 đoạn 1 Hiến Pháp quy định vì không tạo thành cuộc bầu cử lưỡng cấp mà theo đó, cử tri toàn quốc không có quyền bầu cử trực tiếp. So sánh với Đại Hàn và Pháp, các ứng cử viên đều có sự giới thiệu.

3/ Không vi phạm sự bình đẳng giữa các công dân. Ai đủ điều kiện đều có quyền ứng cử.

4/ Không hạn chế quyền bầu cử của công dân vì vấn đề căn bản không phải là cá đồng ứng cử viên để lựa chọn mà là lựa chọn người có ý thức trách nhiệm, khả năng và uy tín.

5/ Không tạo cho Quốc Hội một thẩm quyền mới mà chỉ giao cho cá nhân dân biểu, nghị sĩ một năng quyền hành xử tùy ý.

### ĐOẠN III. PHÁN QUYẾT CỦA TCPV-

Đối với các đơn khởi tố, TCPV chấp nhận về hình thức vì nguyên đơn có đủ lợi ích để hành xử tố quyền (đó là quyền lợi bỏ phiếu).

Về nội dung, TCPV bác bỏ các đơn khởi tố, truyền tịch thu tiền dự phạt, với những lý do chính yếu sau đây:

1/ TCPV chỉ xét xử điều 10 khoản 7 về khía cạnh pháp lý, chứ không về tính cách nên hay không nên đặt ra nguyên tắc giới thiệu.

2/ Đồng ý với viện dẫn số 5 nơi kháng biện luận của vị Phụ Tá Luật Pháp.

3/ Điều 13 khoản 1 Hiến Pháp quy định quyền bầu cử và ứng cử của công dân phải tuân theo điều kiện và thể thức luật định, khoản 5 điều 53 còn quy định thêm rằng ứng cử viên phải hội đủ các điều kiện khác dự liệu trong luật bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống. Như vậy Quốc Hội có toàn quyền quy định thêm một số điều kiện mà không vi phạm sự bình đẳng.

4/ Các biên bản của Quốc Hội Lập Hiến không hề biểu lộ rõ rệt ý chí duy trì hay bác bỏ nguyên tắc giới thiệu.

5/ Không vi phạm nguyên tắc bầu cử trực tiếp vì không tạo nên một cuộc bầu cử lưỡng cấp.

### ĐOẠN IV. NHẬN ĐỊNH TỔNG QUÁT-

Sau phán quyết của TCPV về sự hợp hiến của khoản 7 điều 10, các ý kiến phản đối và chấp thuận đều sôi nổi và có trưng dân các biện luận, so sánh hoặc suy diễn từ các điều khoản căn bản có liên quan đến cuộc bầu cử và đã được trình bày phân trên.

Tiếp theo là cuộc bầu cử đã diễn ra đúng với ý muốn

của một số người, ngoại trừ những trục trặc tạo thành một hiện tượng kỳ lạ. Đó là sự độc cử.

Giới hạn quyền ứng cử là một việc không nên làm, dù được quyền làm. Cuộc bầu cử Tổng Thống nên được quan niệm dành một sự tự do ứng cử từ tuổi trưởng thành (hay trên 30, tam thập nhi lập), trừ phi có án tiếu hoặc đại hình hay những án nguy hại đến danh dự. Sự giới hạn chỉ nên có khi cần cứ vào kết quả cuộc bầu cử. Nếu quá ít phiếu (5 hay 10% tùy sự ấn định theo kỹ thuật) thu được, thời phải bồi thường tiền in phiếu cho chính phủ. Riêng trường hợp số phiếu quá nhỏ không thể chấp nhận được như dưới 1 hay 2 phần nghìn, sẽ bị coi như phạm tội phỉ báng dân tộc và chịu một hình phạt giam hay tiền nặng hơn như chi phí tổng số tiền mà chính phủ chi tiêu cho cuộc bầu cử. Xin chú ý đây chỉ là đề nghị lý thuyết của chúng tôi.

Mọi sự việc đã qua đi, nhiệt tình chính trị đối nghịch cũng mau chóng tan đi. Còn lại là vấn đề giá trị pháp lý cùng vai tuồng của TCPV tạo nên một ấn tượng tốt hay xấu, tùy phán đoán mỗi người. Nên đặt TCPV vào khung cảnh không phải chỉ có pháp lý, mà còn nhiều phương diện khác như chính trị thể hiện bằng những hình thức áp lực ngầm ngấm hay công khai. Sự may mắn là đến năm 1975 Quốc Hội Lập Pháp nhiệm kỳ tới sẽ biểu quyết một đạo luật bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống khác.

Một nhận định khác là qua hầu hết các phán quyết của TCPV, chúng ta chú ý một điều đặc biệt là cơ chế này thường chú trọng đến khía cạnh pháp lý (Hành Pháp có QUYỀN hay không QUYỀN) và lãng quên khía cạnh hợp thời (có NÊN hay không NÊN), khoản 7 điều 10 là một minh chứng quan trọng. Giải thích sự kiện này, người ta có thể nhìn vào khả năng nhân sự của TCPV. Đa số thẩm phán là chuyên viên Tư Pháp, do đó chú trọng phần lớn vào pháp lý hơn là hiệu năng của vấn đề. Những phán quyết vì thế chịu nhiều ảnh hưởng của khả năng cá nhân này.

## kết luận

TỐI CAO PHÁP VIỆN không phải là một đặc điểm của Hiến Pháp đệ II Cộng Hòa mà còn là một cơ chế mang đến sinh hoạt chính trị và pháp lý nhiều sự cải cách, nhất là trong tổ chức Tư Pháp.

Về phương diện chính trị, TCPV qua những phán quyết đã tạo được một uy thế tương đối vững vàng. Với những năm thi hành Hiến Pháp, phải công nhận rằng bộ máy Quốc Gia chưa vận chuyển điều hòa. Hành Pháp, với quá nhiều phương tiện về nhân sự lẫn tài vật, hầu như khuyh loát Quốc Hội. Tổng Thống đã đặt nhẹ vai trò những vị chỉ huy cấp dưới, đưa họ đến tình trạng thụ động, dồn mọi việc giải quyết lên cho Tổng Thống. Người ta tưởng tượng, ngoài nội các của Thủ Tướng còn một nội các của Tổng Thống.

Còn về Quốc Hội, sự chỉ trích của dân chúng đã hướng về đây quá nhiều. Quốc Hội là nơi được coi thể hiện sự bất ổn, ý kiến quá nhiều, nhưng lại ô hợp và vô hiệu khi hành xử quyền biểu quyết lập pháp của mình. Có khi lại từ chối cả quyền căn bản này của Quốc Hội.

Chỉ riêng về cơ chế tối cao thứ ba là TCPV, mặc dù cũng vướng phải một số khuyết điểm do những áp lực chính trị và các biến chuyển thời cuộc tạo nên, đã biểu lộ được sự độc lập và uy thế của quyền Tư Pháp.

Tuy nhiên, qua sự trình bày trong các phần trên, chúng ta nhận thấy ngoài những khó khăn mà TCPV đã phải giải quyết, còn những vấn đề quan trọng được đặt ra cho TCPV trong tương lai. Những vấn đề này bao gồm 2 phương diện chuyên môn và

chính trị. Chúng tôi xin tóm lược và chấm dứt luận văn này.

1/ Trước nhất với thẩm quyền kiểm hiến được thực hiện dưới hình thức giải thích Hiến Pháp, có nên dành cho tất cả mọi công dân được hành xử quyền yêu cầu TCPV giải thích Hiến Pháp hay không? Sự hạn chế tố quyền cũng có một vài lợi ích, nhưng tạo ra sự im lặng tuyệt đối khi có sự thỏa thuận giữa các tác nhân có thẩm quyền khởi tố do luật 007/68 ấn định.

2/ Trong tố tụng kiểm pháp, phải giải quyết như thế nào vì những khó khăn trong sự áp dụng thủ tục trước TCPV có bắt buộc phải tuân theo những luật lệ cũ trước Tham Chánh Viện hay không?

Giáo sư Nguyễn quang Quỳnh, chấp nhận sự duy trì áp dụng này vì tính cách liên tục của án lệ và vì luật số 007/68 đã minh thị giữ nguyên thủ tục thượng tố trước tòa Phá Án và Tham Chánh Viện nên không có lý do vì bác khước thủ tục xin thủ tiêu quyết định HC trước Tham Chánh Viện, với những khoản không ngược lại tố tụng kiểm pháp mới.

3/ Qua vụ án Dân biểu Trần ngọc Châu, hậu quả của vấn đề được giải quyết như thế nào khi Hành Pháp không chấp hành một phán quyết của TCPV? Đáng lý ra Hiến Pháp phải trừ liệu các trường hợp đặc biệt nếu Hành Pháp và Lập Pháp không chấp nhận thi hành một án văn của TCPV. Có thể là ban cho TCPV thẩm quyền chính trị như công bố cho toàn dân nhận định của mình về hành vi của Hành Pháp và Lập Pháp. Quyền này có tính cách khuyến cáo hầu tạo lập nơi Hành Pháp và Lập Pháp tinh thần trọn Hiến cùng trọng pháp.

4/ Với khuynh hướng hợp nhất 2 hệ thống tòa án HC và Tư Pháp hiện hữu, TCPV sẽ thực hiện khuynh hướng này bằng phương cách nào? Có 2 giải pháp cho vấn đề:

- Duy trì các tòa án HC với nhiệm vụ sơ thẩm và Tham Chánh Viện phúc thẩm. Sự hợp nhất được thực hiện nơi thủ tục phá án.
- Hoặc bãi bỏ tòa án HC, thay thế vào đó theo tinh thần phân công, một ban HC tại các tòa Sơ thẩm và một ban HC tại tòa Thượng Thẩm (để thay thế Tham Chánh Viện).

Giải pháp này tạo nhiều ích lợi là phù hợp với khuynh hướng hợp nhất 2 hệ thống tòa án và khỏi phải tốn kém ngân khoản thiết lập các tòa án HC, thêm vào đó khi có các ban HC tại tòa sơ thẩm, hy vọng công lý sẽ đến gần dân hơn.

5) Về nhân sự, yếu tố lãnh đạo quan trọng để tạo nhiều ảnh hưởng đến các cơ quan hiến định khác. Một thí dụ nơi TCPV Hoa Kỳ cho thấy, những quyết định do vị Chánh án tối cao, ông John Marshall, làm tăng quyền hành của chính phủ liên bang. Ông được John Adams bổ nhiệm vào năm 1801 và trong suốt 34 năm tại chức, ông đã đương đầu với hết thử thách này đến thử thách kia về quyền Hiến Pháp và đã thắng (qua các vụ Marbury kiện Madison, vụ Cohens kiện Virginia là có thể gạt bỏ những đạo luật của Tiểu Bang trái với Hiến Pháp Liên Bang). John Marshall có công mang lại cho TCPV một địa vị siêu việt và quyền hành.

6/ Đối với luật Ủy quyền hiện tại, TCPV sẽ giải thích sự ủy quyền của Quốc Hội cho Tổng Thống như thế nào khi có sự chỉ trích? Xin trích dẫn một vài ý kiến của các tác giả, luật gia về vấn đề này.

Đ Luật gia Lê tài Triển: "Hiến Pháp 1967 không minh thị chấp nhận quyền Lập Pháp bằng Sắc luật của Tổng Thống do sự ủy nhiệm của Quốc Hội và chỉ quy định trong điều 64 rằng trong các trường hợp đặc biệt Tổng Thống có thể ký Sắc luật..." (Nhiệm vụ của Chánh thẩm tòa Hình-trang 19).

Đ Giáo sư Nguyễn khắc Nhân: "Hiến Pháp 1-4-67 chỉ trừ liệu có một trường hợp Tổng Thống được ký Sắc luật, đó là các Sắc luật tuyên bố tình trạng báo động, giới nghiêm hay khẩn trương (điều 64) vì vậy điều 42 của Hiến Pháp 1956 cho phép Quốc Hội ủy quyền cho Tổng Thống ký các Sắc luật thực hiện chính sách không còn giá trị nữa" (trong Tập San Nghiên Cứu HC số 4 năm 1969, trang 120).

7/ Sau cùng trước những khiếm khuyết của nền luật pháp cũ tại VN, như những sự bất thuận nhất. TCPV còn có quyền "lập pháp" bằng cách tạo những án lệ. Những án lệ này có sẽ trở thành những tiền lệ quan trọng và hữu hiệu hay không tùy thuộc

vào sự phân quyết của TCIV với một tinh thần độc lập và đôi khi đòi hỏi sự can đảm.

Để chấm dứt luận văn chúng tôi xin được trích dẫn một đoạn của Edouard Herriot:

"Một lỗi lầm nặng của dân chủ khi cho rằng lợi ích của toàn dân ở trong sự tự giao phó cho những chính phủ yếu ớt, dễ bị chi phối bởi nhiều ảnh hưởng, hoặc u mê với những lợi ích nhỏ, mà những lợi ích này thì biến cải luôn... Lợi ích được ý thức của tự do là muốn có một chính quyền của một số người sẵn sàng dọn mình cho nhiệm vụ, để mà hiểu nhiệm vụ của mình, cùng đủ hãnh diện đương đầu các cuộc tấn công của dư luận bằng ý chí sáng suốt và mạnh dạn đòi hỏi quyền uy nhận lãnh trách nhiệm".

## THƯ MỤC

### SÁCH

- Nguyễn văn Bông : Luật Hiến Pháp và Chính Trị Học  
Sài Gòn 1971
- Trương tiến Đạt : Hiến Pháp Chủ Thích. Sài Gòn 1967
- Trần văn Ân : Dân Chủ và Hiến Pháp. Sài Gòn 1966
- Nguyễn khắc Nhân : Giảng văn Luật Hành Chánh. Ban Đốc  
Sứ, Sài Gòn, HVQGHC, 1971.

### TẠP CHÍ

- Báo hàng ngày : Chính Luận, Hòa Bình, Sóng Thần có  
liên quan đến vụ bầu cử Tổng Thống  
3/10/71 (khoản 7 điều 10).
- Báo định kỳ : Quê Hương, Nghiên Cứu Hành Chánh,  
Cấp Tiến, Chính Văn.
- Nguyễn quang Quỳnh: Thẩm quyền của TCPV. Sài Gòn,  
Nghiên Cứu Hành Chánh 4-1969.
- Nguyễn khắc Nhân : Khía cạnh pháp lý về thuế Kiệm Ước  
Sài Gòn, Nghiên Cứu HC 4-1969.
- Nguyễn duy Thanh  
và Phạm văn Tâm : Vấn đề kiểm soát sự tôn trọng Hiến  
Pháp của Tổng Thống. Sài Gòn,  
Nghiên Cứu HC 4-1971
- Phạm đình Hưng : Tương Quan giữa Giám Sát Viện và 3  
cơ quan Lập Pháp Hành Pháp Tư Pháp  
Sài Gòn, Nghiên Cứu HC, 1-1972.
- Anh Việt : Bản về các cơ quan có nhiệm vụ  
kiểm Hiến qua các chính thể. Sài  
Gòn, Quê Hương, bộ 2, 4-1963



- Nguyễn mạnh Côn : TCPV Và Khoản 7 Điều 10. Sài Gòn, Chính Văn - số 3-71

### LUẬN VĂN

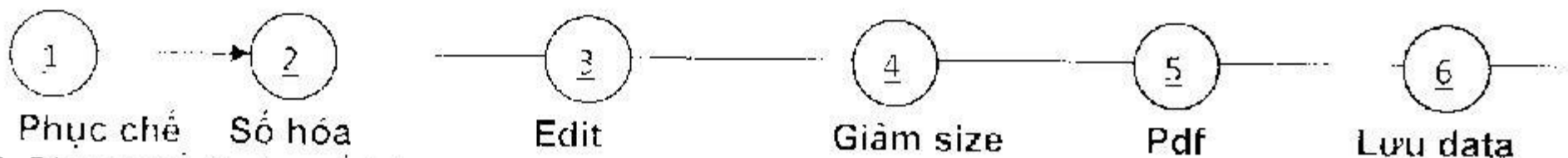
- Nguyễn văn Sô : Tổ Chức Nền Tư Pháp đệ II CH. Sài Gòn, luận văn tốt nghiệp, Đốc Sự 16 HVQGHC, 1971.
- Lê phước Ninh : Quy Chế Chánh Đảng và Đối Lập Chính Trị. Sài Gòn, Luận văn tốt nghiệp, Đốc Sự 16, HVQGHC, 1971.
- Đào hồng Hải : Tìm hiểu bản Hiến Pháp ngày 1-4-67 Qua Quá Trình Hình Thành Của Nó Sài Gòn, Luận văn tốt nghiệp, Cao Học II, HVQGHC, 1968.
- Lê văn Toàn : Các Định Chế Quốc Gia Của Nền Đệ Nhị Cộng Hòa Việt Nam. Sài Gòn, Cao Học 4, HVQGHC, 1970.

### ẤN PHẨM CỦA CHÍNH PHỦ

- VNCH, Tổ Chức Và Điều Hành TCPV. Sài Gòn, Luật 007/68, 1968.
- VNCH, Nội quy Điều Hành TCPV. Sài Gòn, TCPV 1968
- VNCH, Luật Bầu Cử Tổng Thống 1971. Sài Gòn, Luật 009/71 1971.

I. Thông tin về tài liệu

- Ký hiệu: *LVHC 863* Tên tài liệu: *Khảo luận về Luật các Pháp lệnh*
- Loại tài liệu: *LA* Kích thước, số trang: *59 tr.*
- Người giao: *B. Q.* Người, ngày nhận: *Quá 10.05.13 VNCH*
- Hộp công  Kế hoạch  Khác (tự nhân):
- Yêu cầu scan
- ▼ Bình thường  Cần file Raw  Khác:



II. Phục chế trước số hóa:

- Kỹ thuật: .....
- Người thực hiện: ..... Thời gian: .....

III. Kỹ thuật số hóa áp dụng

- Camera. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Bookeyes. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Proserv. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Khác..... Người thực hiện: *1. 2. 3.* Thời gian: *15. 3. 13.* Kỹ thuật: .....

IV. Xử lý sau số hóa: (tên/ thời gian).....

- Edit  Giảm size  PDF

IV. Lưu dữ liệu/ Biên mục

- Không phục vụ  Phục vụ hạn chế  Phục vụ rộng rãi
- Lưu dữ liệu (tên/ ngày lưu).....